

LỜI MỞ ĐẦU

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu trong thời đại toàn cầu hóa. Hiện nay sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của tổ chức Thương mại Thế giới WTO. Điều đó đặt ra cho các doanh nghiệp của Việt Nam rất nhiều cơ hội cũng như khó khăn và thách thức. Bên cạnh đó, Thế giới đang bước vào thời kỳ khủng hoảng kinh tế mang tính toàn cầu. Để tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, các doanh nghiệp phải kịp thời nhận biết các rủi ro, thay đổi phương thức tổ chức, quản lý, công nghệ, nhân sự... cho phù hợp. Đặc biệt để có thể tồn tại và thực hiện tốt nhất các chiến lược kinh doanh thì việc tìm tòi, áp dụng các biện pháp cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp là rất cần thiết dựa trên cơ sở của quá trình phân tích kinh doanh. Vì vậy tài chính doanh nghiệp đóng một vai trò hết sức quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích tài chính doanh nghiệp, qua thời gian thực tập tốt nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long, em đã mạnh dạn nghiên cứu và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: ***“Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp”*** của Công ty.

Mục đích nghiên cứu là vận dụng những kiến thức đã học trên ghế nhà trường về mọi lĩnh vực để nhận dạng những điểm mạnh, điểm yếu cũng như những thuận lợi, khó khăn về thực trạng tài chính của Công ty. Từ đó tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất các giải pháp để cải thiện tình hình tài chính đó.

Kết cấu khóa luận của em gồm 3 phần:

Phần 1: Cơ sở lý luận chung về tài chính doanh nghiệp và phân tích tài chính doanh nghiệp

Phần 2: Thực trạng tài chính của Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Phần 3: Một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của Th.s Cao Thị Thu, Ban lãnh đạo Công ty cùng các cô chú, anh chị phòng Kinh doanh - Đối ngoại đã giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

Tuy nhiên, với trình độ hiểu biết và thời gian nghiên cứu thực tế có hạn nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo cùng toàn thể các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn, góp một phần nhỏ bé vào việc nâng cao năng lực tài chính của Công ty Đóng tàu Hạ Long.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên: Bùi Thị Lan Anh

PHẦN 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VÀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1- Khái niệm chung về Tài chính doanh nghiệp

1.1.1- Tài chính doanh nghiệp

Tài chính doanh nghiệp là hệ thống các mối quan hệ phân phối dưới hình thức giá trị gắn liền với việc tạo lập hoặc sử dụng các quỹ tiền tệ của Doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.2- Quản trị tài chính doanh nghiệp

Quản trị tài chính doanh nghiệp là việc lựa chọn và đưa ra các quyết định tài chính, tổ chức thực hiện những quyết định đó nhằm đạt được mục tiêu của Doanh nghiệp đó là tối đa hóa lợi nhuận, không ngừng làm tăng giá trị doanh nghiệp và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

1.1.3- Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp

Quản trị tài chính doanh nghiệp có vai trò to lớn trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Cụ thể:

- Huy động và đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tổ chức sử dụng vốn kinh doanh tiết kiệm và hiệu quả.

- Giám sát, kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2- Các quan hệ tài chính của doanh nghiệp

Căn cứ vào hoạt động của Doanh nghiệp trong một môi trường kinh tế xã hội có thể thấy quan hệ tài chính của Doanh nghiệp là vô cùng phong phú và đa dạng.

1.2.1- Quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước

Quan hệ này phát sinh trong quá trình trao đổi hàng hóa, dịch vụ, phân phối tổng sản phẩm quốc dân giữa Nhà nước và doanh nghiệp.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

- Đối với doanh nghiệp Nhà nước, quan hệ này có tính chất hai chiều: Nhà nước có thể cấp vốn để doanh nghiệp hoạt động. Ngược lại, doanh nghiệp có trách nhiệm sử dụng vốn hiệu quả và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước như nộp các khoản thuế, phí và lệ phí... vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh thì quan hệ này biểu hiện qua việc Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp về mặt kỹ thuật, đào tạo con người và ngược lại doanh nghiệp cũng có nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

1.2.2- Quan hệ giữa doanh nghiệp và thị trường tài chính

- Với thị trường tiền tệ: Thông qua hệ thống ngân hàng các doanh nghiệp có thể có các nguồn vốn ngắn hạn, trung hạn để kinh doanh hoặc tạm gửi số tiền nhàn rỗi vào các ngân hàng nhằm tạo vốn ngân hàng tài trợ cho hoạt động kinh doanh của các ngân hàng khác.

- Với thị trường vốn: Doanh nghiệp có thể tạo ra các nguồn vốn dài hạn bằng cách phát hành các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu...Hoặc doanh nghiệp có thể kinh doanh các mặt hàng này trên thị trường chứng khoán.

1.2.3- Quan hệ giữa doanh nghiệp với thị trường khác

Với tư cách là một chủ thể kinh doanh, doanh nghiệp quan hệ với thị trường cung cấp đầu vào và thị trường phân phối tiêu thụ đầu ra đó là thị trường vật tư, hàng hóa, dịch vụ, sức lao động.... Thông qua các thị trường đó, doanh nghiệp có thể xác định nhu cầu sản phẩm và dịch vụ cung ứng. Trên cơ sở đó doanh nghiệp có kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp nhằm thỏa mãn nhu cầu của thị trường.

1.2.4- Quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp

Biểu hiện của quan hệ này là việc doanh nghiệp thanh toán tiền lương, tiền công và thực hiện các khoản tiền thưởng, tiền phạt với công nhân viên của doanh nghiệp; quan hệ thanh toán giữa các bộ phận trong doanh nghiệp, trong việc phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, việc phân chia lợi tức cho các cổ đông, việc hình thành các quỹ của doanh nghiệp...

1.3- Chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu của tài chính doanh nghiệp

1.3.1- Chức năng của tài chính doanh nghiệp

1.3.1.1- Chức năng phân phối

- Là thuộc tính khách quan vốn có của tài chính doanh nghiệp, là sự phân chia sản phẩm, xác lập các quan hệ tỷ lệ giữa các bộ phận khác nhau của nền tái sản xuất, phân phối xác định tỷ lệ sản phẩm dùng cho tiêu dùng và tiết kiệm.

- Nhờ có chức năng này mà doanh nghiệp có thể khai thác, thu hút các nguồn tài chính trong nền kinh tế để hình thành vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời vốn kinh doanh được đầu tư, sử dụng vào mục tiêu kinh doanh để tạo ra thu nhập và tích lũy của doanh nghiệp.

1.3.1.2- Chức năng giám đốc

Giám đốc tài chính là quá trình kiểm tra, kiểm soát các hoạt động tài chính của doanh nghiệp mà biểu hiện tập trung nhất là giám đốc quá trình hình thành và sử dụng quỹ tiền tệ của doanh nghiệp. Thông qua chức năng này có thể đảm bảo cho các quỹ tiền tệ của doanh nghiệp được sử dụng đúng mục đích, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Chức năng giám đốc đó chính là khả năng giám sát, dự báo hiệu quả quá trình phân phối, doanh nghiệp có thể thấy được những khiếm khuyết trong kinh doanh để điều chỉnh nhằm thực hiện mục tiêu kinh doanh đã định sẵn.

1.3.2- Nhiệm vụ của tài chính doanh nghiệp

- Nắm vững tình hình kiểm soát vốn sản xuất kinh doanh hiện có, nắm vững sự biến động vốn, nhu cầu vốn trong từng khâu, từng thời gian của quá trình sản xuất để có biện pháp quản lý và thực hiện có hiệu quả.

- Tổ chức khai thác và động viên kịp thời các nguồn vốn nhân rồi phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh, không để ứ đọng vốn và sử dụng vốn kém hiệu quả. Để làm được điều này tài chính doanh nghiệp phải thường xuyên giám sát và tổ chức sử dụng các nguồn vốn vay của doanh nghiệp làm sao với lượng vốn nhất định phải tạo ra một lượng lợi nhuận lớn trên cơ sở sử dụng tối đa các nguồn lực hiện có.

1.3.3- Mục tiêu của tài chính doanh nghiệp

Mục tiêu của tài chính doanh nghiệp là nhận dạng những điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn về mặt tài chính theo các tiêu chí:

- Hiệu quả tài chính
- Rủi ro tài chính
- Cân đối tài chính

Tìm hiểu, giải thích các nguyên nhân đứng sau thực trạng đó và đề xuất các giải pháp cải thiện vị thế tài chính doanh nghiệp.

1.4- Vị trí, vai trò của tài chính doanh nghiệp

1.4.1- Vị trí của tài chính doanh nghiệp

Hiện nay có thể nói tài chính doanh nghiệp giữ một vai trò quan trọng trong hệ thống tài chính nói chung và trong quản lý kinh tế ở mỗi doanh nghiệp nói riêng. Với tính chất của nó, tài chính doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm trong tạo vốn, sử dụng vốn có hiệu quả để thực hiện tái sản xuất mở rộng theo yêu cầu thị trường và định hướng quản lý vĩ mô của Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược kinh tế xã hội.

Xét trên phạm vi một đơn vị sản xuất kinh doanh, tài chính doanh nghiệp ảnh hưởng đến các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Nó được xem như một trong các công cụ quan trọng để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và tác động tích cực hoặc tiêu cực tới quá trình sản xuất.

Xét trên góc độ của hệ thống tài chính trong nền kinh tế quốc dân thì tài chính doanh nghiệp được coi là một bộ phận cầu nối giữa Nhà nước và Doanh nghiệp. Thông qua hoạt động tài chính doanh nghiệp Nhà nước có khả năng thực hiện chức năng quản lý vĩ mô để điều tiết nền kinh tế thị trường đồng thời Nhà nước có khả năng quản lý nhằm mở rộng nguồn thu cho ngân sách để đáp ứng nhu cầu chi tiêu tiền mặt của ngân sách Nhà nước.

1.4.2- Vai trò của tài chính doanh nghiệp

1.4.2.1- Đối với nền kinh tế quốc dân

Tài chính doanh nghiệp được coi là một bộ phận cầu nối giữa Nhà nước với các Doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Thông qua hoạt động tài

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

chính doanh nghiệp, Nhà nước có khả năng thực hiện các chức năng quản lý kinh tế vĩ mô để điều tiết nền kinh tế bằng các chức năng quản lý kinh tế của mình nhằm thực hiện phương hướng và phát triển kinh tế đất nước theo từng thời kỳ khác nhau. Tài chính doanh nghiệp có tác dụng tích cực đến sự ổn định và làm lành mạnh nền kinh tế quốc gia, góp phần giữ vững cán cân thu chi của ngân sách, chống lạm phát và ổn định tiền tệ, giá cả.

Trong điều kiện môi trường kinh doanh đã từng bước cải thiện như hiện nay, hoạt động tài chính doanh nghiệp có đầy đủ điều kiện để phát huy vai trò của nó, cụ thể:

- Hoạt động tài chính doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc chủ động tạo lập vốn, đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoạt động tài chính doanh nghiệp có vai trò trong việc tổ chức, sử dụng vốn một cách tiết kiệm và có hiệu quả, đảm bảo khả năng sinh lời và bảo toàn vốn.

- Hoạt động tài chính doanh nghiệp được sử dụng như một công cụ để kích thích, thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tài chính doanh nghiệp còn là một công cụ quan trọng để kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.4.2.2- Đối với bản thân doanh nghiệp

Với bản thân các doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp có các vai trò sau:

- Tài chính là điều kiện tiên quyết, điều kiện vật chất đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh qua hệ thống kế hoạch sản xuất kỹ thuật tài chính của doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là sử dụng vốn có hiệu quả đem lại lợi nhuận cao và thông qua hoạt động tài chính giải quyết được các nhiệm vụ chính trị xã hội của doanh nghiệp trong từng thời gian, đó chính là mục tiêu của doanh nghiệp.

1.5- Phương pháp phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp

Phương pháp phân tích tài chính là cách thức, kỹ thuật để đánh giá tình hình tài chính của công ty ở quá khứ, hiện tại và dự đoán tương lai. Từ đó giúp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp với mục tiêu mong muốn của từng đối

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

tượng. Để đáp ứng mục tiêu phân tích tài chính có nhiều phương pháp, thông thường người ta hay sử dụng các phương pháp sau:

1.5.1- Phương pháp so sánh

Khi so sánh theo thời gian, các chỉ tiêu cần thống nhất về nội dung kinh tế, phương pháp phân tích, đơn vị đo lường. Khi so sánh về không gian, người ta thường so sánh trong một ngành nhất định nên ta cần phải quy đổi về cùng một quy mô với cùng một điều kiện kinh doanh tương tự. Chỉ tiêu dùng để làm mốc khi so sánh, tiêu chuẩn so sánh được lựa chọn tùy theo mục tiêu so sánh. Mục tiêu so sánh sẽ quy định các kỹ thuật, phương pháp để đạt được mục tiêu đã đề ra.

Để đáp ứng các mục tiêu sử dụng của những chỉ tiêu so sánh, quy trình so sánh giữa các chỉ tiêu được thể hiện giữa 3 hình thái là so sánh tuyệt đối, số tương đối và bình quân. Từ đó cho thấy sự biến động về mặt quy mô hoặc khối lượng của chỉ tiêu phân tích, mối quan hệ tỷ lệ, kết cấu của từng chỉ tiêu trong tổng thể hoặc biến động về mặt tốc độ của chỉ tiêu đang xem xét giữa các thời gian khác nhau, biểu hiện tính phổ biến của chỉ tiêu phân tích.

Phương pháp so sánh có hai cách phân tích là phân tích theo chiều dọc và phân tích theo chiều ngang.

- Phân tích theo chiều dọc là quá trình so sánh, xác định tỷ lệ, quan hệ tương quan giữa các dữ liệu trên báo cáo tài chính của kỳ hiện hành.

- Phân tích theo chiều ngang là quá trình so sánh, xác định tỷ lệ và chiều hướng tăng giảm của các dữ kiện trên báo cáo tài chính của nhiều kỳ khác nhau. Tuy nhiên phân tích theo chiều ngang cần chú ý trong điều kiện xảy ra lạm phát, kết quả tính được chỉ có ý nghĩa khi chúng ta đã loại trừ ảnh hưởng của biến động giá.

1.5.2- Phương pháp phân tích tỷ lệ

Nguồn thông tin kinh tế tài chính đã và đang được cung cấp đầy đủ hơn, đó là cơ sở hình thành các chỉ tiêu tham chiếu tin cậy cho việc đánh giá tình hình tài chính trong doanh nghiệp. Việc áp dụng công nghệ tin học cho phép tích lũy dữ liệu và đẩy nhanh quy trình tính toán. Phương pháp phân tích này giúp cho

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

việc khai thác sử dụng các số liệu được hiệu quả hơn thông qua việc phân tích một cách có hệ thống hàng loạt các tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục hoặc gián đoạn.

Phương pháp phân tích tỷ lệ dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ và đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp này đòi hỏi phải xác định được các ngưỡng, các định mức để từ đó nhận xét và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu và tỷ lệ tài chính của doanh nghiệp với các tỷ lệ tham chiếu.

Trong phân tích tài chính doanh nghiệp, các tỷ lệ tài chính được phân thành các nhóm chỉ tiêu đặc trưng phản ánh những nội dung cơ bản theo mục tiêu phân tích của doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung có 4 nhóm chỉ tiêu cơ bản sau:

- Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán
- Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn và tài sản
- Nhóm chỉ tiêu về hoạt động
- Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời

1.5.3- Phương pháp phân tích Dupont

Theo phương pháp này các nhà phân tích sẽ nhận biết được các nguyên nhân dẫn đến các hiện tượng tốt, xấu trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Bản chất của phương pháp này là tách một tỷ số tổng hợp phản ánh mức sinh lợi của doanh nghiệp như thu nhập trên tài sản (ROA), thu nhập sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) thành tích số chuỗi các tỷ số có mối quan hệ nhân quả với nhau. Từ đó cho phép phân tích ảnh hưởng của các tỷ số đó với tỷ số tổng hợp.

1.6- Mục đích, ý nghĩa của việc phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp

1.6.1- Khái niệm phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp

Phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp là quá trình xem xét kiểm tra đối chiếu và so sánh số liệu về tài chính hiện hành với quá khứ. Thông qua việc phân tích tình hình tài chính, người sử dụng thông tin có thể đánh giá tiềm năng, hiệu quả kinh doanh cũng như những rủi ro trong tương lai và triển vọng của Doanh nghiệp. Bởi vậy việc phân tích tình hình tài chính của Doanh nghiệp là mối quan tâm của nhiều nhóm người khác nhau như Ban giám đốc, Hội đồng quản trị, các nhà đầu tư, các cổ đông, các tổ chức tín dụng...

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

1.6.2- Mục đích phân tích hoạt động tài chính

Trong điều kiện sản xuất và kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các doanh nghiệp thuộc loại hình sở hữu khác nhau đều bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh. Bởi vậy có nhiều đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính doanh nghiệp nhưng mỗi đối tượng lại quan tâm đến một khía cạnh khác nhau. Song nhìn chung họ đều quan tâm đến khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, khả năng tạo ra dòng tiền mặt và mức lợi nhuận tối đa. Vì vậy phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp phải đạt được các mục đích chủ yếu sau:

- Phân tích, hoạch định và kiểm soát tài chính:

Hoạt động tài chính cung cấp kịp thời, đầy đủ những thông tin hữu ích cần thiết phục vụ cho chủ doanh nghiệp và các đối tượng cần thông tin khác như các nhà đầu tư, Hội đồng quản trị, người cho vay, các cơ quan quản lý cấp trên và những người sử dụng thông tin tài chính khác nhau, giúp họ có quyết định đúng đắn khi đưa ra quyết định đầu tư hay cho vay.

- Quản trị vốn luân chuyển:

Phân tích tình hình tài chính phải cung cấp những thông tin quan trọng nhất cho chủ doanh nghiệp về tình hình sử dụng vốn, khả năng huy động vốn, khả năng sinh lời và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp doanh nghiệp thấy rõ những tồn tại để có biện pháp hữu hiệu khắc phục và phát huy những thành tích đã đạt được.

- Tìm nguồn tài chính cho Doanh nghiệp:

Phân tích hoạt động tài chính phải cung cấp những thông tin về nguồn vốn chủ sở hữu, các khoản nợ, kết quả của các quá trình sản xuất kinh doanh, khả năng tiêu thụ sản phẩm, cũng như những ảnh hưởng làm thay đổi các nguồn vốn và các khoản nợ của Doanh nghiệp trong điều kiện sản xuất kinh doanh và các điều kiện khác, giúp cho chủ Doanh nghiệp dự đoán trước chính xác quá trình tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Có thể nói mục tiêu tối cao và quan trọng nhất của phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp là giúp người quản lý ra quyết định lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh và đánh giá chính xác thực trạng, tiềm năng của Doanh nghiệp mình.

1.6.3- Ý nghĩa của việc phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp

Hoạt động tài chính doanh nghiệp bao gồm các nội dung cơ bản xác định nhu cầu về vốn của Doanh nghiệp, tìm kiếm và huy động nguồn vốn để đáp ứng tốt nhất nhu cầu và sử dụng hợp lý đạt hiệu quả cao nhất, hoạt động tài chính đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp và có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành, tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Phân tích hoạt động tài chính không chỉ có ý nghĩa thiết thực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đánh giá một cách toàn diện tình hình tài chính, năng lực tài chính, khả năng sinh lời, kỹ thuật lựa chọn và quản lý nguồn vốn, đề ra các quyết định tài chính và quyết định đầu tư mà còn đặc biệt quan trọng đối với các đối tượng khác. Đánh giá chính xác khả năng đảm bảo hoàn toàn trả nợ vay là rất quan trọng đối với ngân hàng, với chủ thể cho vay. Phân tích tình hình tài chính cũng có ý nghĩa thiết thực đối với các nhà tài trợ, nhà cung cấp và các nhà đầu tư để đưa ra các quyết định tài trợ, bán chịu, đầu tư hay không đầu tư.

Bởi vậy để tiến hành sản xuất kinh doanh, các Doanh nghiệp cần phải có một lượng vốn nhất định bao gồm vốn cố định, vốn lưu động và vốn chuyên dùng khác. Nhiệm vụ của doanh nghiệp là phải tổ chức và huy động vốn sao cho có hiệu quả nhất trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc tài chính, tín dụng và chấp hành luật pháp. Việc thường xuyên tiến hành phân tích tài chính sẽ giúp cho các nhà quản lý doanh nghiệp và cơ quan chủ quản cấp trên thấy rõ thực trạng của phân tích hoạt động tài chính xác định đầy đủ và chính xác các nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình tài chính doanh nghiệp, từ đó có những giải pháp hữu hiệu nhằm cố định và tăng cường tình hình tài chính của Doanh nghiệp.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Trong điều kiện sản xuất và kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế khác nhau được Nhà nước tạo điều kiện, chủ động trong sản xuất kinh doanh được đưa ra giá cả hàng hoá bán phù hợp với thị trường, được phép sử dụng lợi nhuận thu được sau khi đã làm nghĩa vụ với Nhà nước, được trích lập các quỹ theo quy định của Nhà nước. Do vậy sẽ có rất nhiều đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Doanh nghiệp như chủ doanh nghiệp, các nhà đầu tư, nhà cung cấp, cơ quan thuế, khách hàng, người lao động... mỗi đối tượng cần thông tin về tình hình tài chính doanh nghiệp ở những góc độ khác nhau. Đối với chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp, mối quan tâm hàng đầu của họ là khả năng phát triển tối đa hóa lợi nhuận, do đó họ quan tâm trước hết tới lĩnh vực đầu tư và tài trợ. Đối với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng thì mối quan tâm hàng đầu của họ là khả năng thanh toán, khả năng trả nợ hiện tại và tương lai của Doanh nghiệp. Đối với các nhà đầu tư họ quan tâm đến khả năng sinh lời của dự án, khả năng thanh toán, thời gian hoàn vốn và các yếu tố rủi ro. Người lao động họ quan tâm đến tiền công, các chế độ và phúc lợi... Ngoài ra các cơ quan tài chính, thống kê, thuế, cơ quan chủ quản, các nhà phân tích tài chính, hoạch định chính sách cũng quan tâm đến thông tin tài chính của Doanh nghiệp.

Thông qua việc phân tích tài chính cho biết những điểm mạnh, điểm yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Xuất phát từ tình hình đó, nhà quản lý tài chính có thể đưa ra các giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp trong tương lai bằng cách dự báo và lập kế hoạch...

Phân tích tài chính doanh nghiệp mà trọng tâm là phân tích báo cáo tài chính, các chỉ tiêu tài chính đặc trưng thông qua một hệ thống các phương pháp, công cụ và kỹ thuật phân tích giúp người sử dụng thông tin từ các góc độ khác, vừa đánh giá toàn diện, tổng hợp khái quát lại vừa xem xét một cách chi tiết hoạt động tài chính doanh nghiệp để nhận biết, phán đoán, dự báo và đưa ra quyết định đầu tư phù hợp.

2- NGUỒN TÀI LIỆU SỬ DỤNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Để thực hiện được mục tiêu của phân tích hoạt động tài chính phải xác định rõ phương pháp phân tích và nguồn số liệu, tài liệu sử dụng khi phân tích. Nguồn tài liệu, số liệu chủ yếu là các báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong đó chủ yếu sử dụng Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1- Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp

2.1.1- Bảng cân đối kế toán

2.1.1.1- Khái niệm

Bảng cân đối kế toán là một báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát toàn bộ tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của Doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định (thời điểm lập báo cáo). Bảng cân đối kế toán còn gọi là bảng tổng kết tài sản, là tài liệu quan trọng đối với nhiều đối tượng sử dụng khác nhau. Về bản chất bảng cân đối kế toán là một bảng cân đối tài chính giữa tài sản với các nguồn ngân quỹ nội bộ (vốn chủ sở hữu và công nợ phải trả), nhằm mô tả sức mạnh tài chính của Doanh nghiệp bằng cách trình bày những thứ mà Doanh nghiệp có và những thứ nợ tại một thời điểm. Nội dung nhằm phản ánh khái quát tình hình tài chính, tình hình biến động nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn của Doanh nghiệp vào một thời điểm nhất định. Người ta coi bảng cân đối kế toán là một bức ảnh chụp nhanh bởi nó được lập vào cuối liên độ kế toán.

2.1.1.2- Cấu trúc của bảng cân đối kế toán

Về kết cấu bảng cân đối kế toán gồm 2 phần: Phần tài sản và Phần nguồn vốn.

- Phần tài sản: Phản ánh giá trị của toàn bộ tài sản vào thời điểm lập báo cáo và thuộc quyền quản lý, sử dụng của Doanh nghiệp.

Xét về mặt kinh tế, các chỉ tiêu thuộc phần tài sản phản ánh dưới hình thái giá trị quy mô, kết cấu các loại tài sản của Doanh nghiệp đang tồn tại dưới mọi hình thức: tài sản vật chất như tài sản cố định hữu hình, hàng tồn kho, tài sản cố định vô hình, tài sản chính thức như các khoản đầu tư, khoản phải thu, tiền mặt.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Thông qua đó có thể đánh giá một cách tổng quát quy mô tài sản, tính chất hoạt động và trình độ sử dụng vốn.

Xét về mặt pháp lý, số liệu ở phần tài sản thể hiện vốn thuộc quyền quản lý và sử dụng của Doanh nghiệp.

- Phần nguồn vốn: Phản ánh nguồn hình thành các loại tài sản hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo.

Xét về mặt kinh tế, số liệu ở phần nguồn vốn phản ánh quy mô, kết cấu và đặc điểm sở hữu các nguồn vốn được đầu tư huy động vào sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, thông qua đó có thể đánh giá một cách khái quát khả năng và mức độ chủ động về tài chính của Doanh nghiệp.

Về mặt pháp lý, đây là các chỉ tiêu thể hiện trách nhiệm pháp lý về mặt vật chất của Doanh nghiệp đối với các đối tượng cấp vốn cho Doanh nghiệp như: cổ đông, ngân hàng, nhà cung cấp...

2.1.3- Ý nghĩa của bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo theo kết cấu tài sản và cơ cấu nguồn hình thành nên tài sản của Doanh nghiệp.

- Phần phản ánh tài sản theo kết cấu cho biết tài sản của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo là bao nhiêu, tình hình phân bổ tài sản đó như thế nào, tỷ trọng từng loại trong tổng số.

- Phần phản ánh nguồn hình thành tài sản cho biết tài sản của Doanh nghiệp được hình thành từ đâu, từ những nguồn nào, cơ cấu nguồn hình thành, xem xét nguồn hình thành tài sản để thấy được tài sản của Doanh nghiệp được hình thành từ những nguồn chính đáng đảm bảo tính pháp lý về quyền sở hữu tài sản của Doanh nghiệp.

Căn cứ vào bảng cân đối kế toán có thể nhận biết, đánh giá khái quát tình hình tài chính của Doanh nghiệp. Thông qua việc phân tích các chỉ tiêu tài chính liên quan, phát huy những khả năng tiềm tàng về kinh tế, dự đoán tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như xu hướng vận động của Doanh nghiệp để từ

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

đó đưa ra những quyết định đúng đắn có hiệu quả đối với các nhà quản lý Doanh nghiệp như: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc. Dựa vào bảng cân đối kế toán và báo cáo tài chính khác để biết được tiềm lực của doanh nghiệp, tình hình công nợ, tình hình thu chi để tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh và để đạt được kết quả theo yêu cầu đề ra.

Đối với các nhà đầu tư, các ngân hàng, chủ nợ và các đối tác kinh doanh dựa vào bảng cân đối kế toán để biết được thực trạng về tài chính của Doanh nghiệp, thực trạng sản xuất kinh doanh, khả năng thanh toán và nhu cầu về vốn vay, từ đó quyết định liên doanh hoặc thu hồi vốn.

2.1.2- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1.2.1- Khái niệm

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (còn gọi là báo cáo thu nhập) là một báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh, thu nhập của hoạt động tài chính và các hoạt động khác của Doanh nghiệp trong thời kỳ nhất định.

2.1.2.2- Cấu trúc của báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo kết quả kinh doanh gồm 3 phần:

- Phần 1: Lãi lỗ

Phần này phản ánh các chỉ tiêu liên quan đến kết quả toàn bộ hoạt động kinh doanh: Tổng doanh thu, Doanh thu thuần, Giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp. Qua phần này người ta biết được kết quả của hoạt động kinh doanh, tài chính và hoạt động bất thường.

- Phần 2; Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Phần này phản ánh các khoản mà Doanh nghiệp phải làm nghĩa vụ với Nhà nước theo luật định như các khoản thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và các khoản khác mà đơn vị phải nộp (Kỳ trước chuyển sang nộp kỳ này, số đã nộp trong kỳ báo cáo, số còn nợ chưa nộp đến cuối kỳ báo cáo).

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

- Phần 3: Thuế GTGT được khấu trừ, được hoàn lại, được miễn giảm

Căn cứ vào số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh, người ta sử dụng thông tin để có thể nhận xét và đánh giá khái quát tình hình và kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp cũng như tình hình thanh toán các khoản ngân sách Nhà nước.

2.1.2.3- Ý nghĩa của báo cáo kết quả kinh doanh

Số liệu trong bảng báo cáo này với những thông tin tổng hợp nhất về phương thức kinh doanh của Doanh nghiệp trong kỳ, và chỉ ra rằng các hoạt động kinh doanh đó đem lại lợi nhuận hay gây ra tình trạng thua lỗ, đồng thời nó còn phản ánh tình hình sử dụng các tiềm năng về vốn, lao động kỹ thuật và các kinh nghiệm quản lý Doanh nghiệp. Đây là bản báo cáo được các nhà phân tích tài chính rất quan tâm vì nó cung cấp số liệu về hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp đang thực hiện trong kỳ, nó còn được sử dụng như một bản hướng dẫn để dự tính xem Doanh nghiệp ra sao trong tương lai.

2.1.3- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính

- Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành hệ thống báo cáo tài chính của Doanh nghiệp, báo cáo này giải thích rõ và bổ sung thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, tình hình tài chính của Doanh nghiệp trong kỳ báo cáo mà các báo cáo tài chính khác không thể trình bày một cách rõ ràng và chi tiết.

- Nội dung báo cáo trình bày khái quát đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp, nội dung một số chế độ kế toán được Doanh nghiệp áp dụng, tình hình và nguyên nhân biến động của một số đối tượng tài sản và nguồn vốn quan trọng, xác định và phân tích khái quát một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu và nêu rõ những kiến nghị của Doanh nghiệp, các chỉ tiêu này phản ánh tình hình đầu kỳ, tăng giảm trong kỳ và tình hình cuối kỳ. Khi lập báo cáo này phải dựa trên những phương pháp chung dưới đây:

+ Trình bày bằng văn bản phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, phần trình bày bằng số liệu phải thống nhất với các số liệu trên các báo cáo khác.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

+ Đối với báo cáo quý, các chỉ tiêu thuộc về phần chế độ kế toán áp dụng tại Doanh nghiệp phải thống nhất trong các niên độ kế toán, trường hợp có sự thay đổi phải trình bày lý do của sự thay đổi đó.

+ Phần số liệu kế hoạch phải căn cứ vào số liệu kỳ báo cáo, phần số liệu thực tế kỳ trước phải căn cứ vào số liệu thực tế kỳ ngay trước đó.

+ Các chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính chỉ sử dụng cho thuyết minh báo cáo tài chính năm.

2.2- Tổ chức công tác phân tích tài chính doanh nghiệp

2.2.1- Khái niệm tổ chức phân tích

Tổ chức phân tích là vận dụng tổng hợp các phương pháp phân tích để đánh giá chung kết quả, chỉ rõ những sai lầm và tìm biện pháp sửa chữa thiếu sót trong quản lý tài chính và sử dụng vốn. Đây là một yêu cầu rất cơ bản có ý nghĩa rất thực tiễn đối với quản lý kinh doanh.

2.2.2- Quy trình tổ chức công tác phân tích tài chính

Bước 1: Chuẩn bị cho công tác phân tích

Xác định về nội dung, phạm vi thời gian và cách tổ chức phân tích. Nội dung phân tích cần xác định rõ các vấn đề cần được phân tích: có thể toàn bộ các chỉ tiêu hoặc các chỉ tiêu chủ yếu. Đây là cơ sở để xây dựng đề cương cụ thể khi tiến hành phân tích.

Phạm vi phân tích có thể là toàn bộ công ty hoặc một đơn vị phụ thuộc, kỳ phân tích tùy theo yêu cầu và thực tiễn quản lý mà xác định phạm vi phân tích thích hợp.

Tài liệu làm căn cứ phân tích bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Các tài liệu khác như: số dư các tài khoản 131, 331...
- Kiểm tra tính hợp pháp của tài liệu, tính chính xác của các con số.

Bước 2: Tiến hành phân tích

Trên cơ sở hệ thống các chỉ tiêu, số liệu và phương pháp phân tích, cần xác định hệ thống chỉ tiêu phân tích và phương pháp chủ yếu sau:

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

- Phương pháp duy vật biện chứng
- Phương pháp so sánh

Bước 3: Tổng hợp, đánh giá

Báo cáo phân tích tài chính là bản tổng hợp gồm 2 phần: Đánh giá cơ bản cùng những tài liệu chọn lọc để rút ra từ quá trình phân tích. Đánh giá cùng minh họa cần nêu rõ cả thực trạng và tiềm năng cần khai thác. Từ đó nêu rõ được phương hướng và biện pháp phấn đấu trong kỳ.

3- NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

3.1- Phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp.

3.1.1- Phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp qua bảng cân đối kế toán.

❖ *Bảng cân đối kế toán:*

Bảng cân đối kế toán là một báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh một cách tổng quát toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp theo hai cách đánh giá là tài sản và nguồn hình thành tài sản tại thời điểm lập báo cáo. Các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán được phản ánh dưới hình thái giá trị và theo nguyên tắc cân đối là tổng tài sản bằng tổng nguồn vốn.

❖ *Phân tích tình hình tài chính qua bảng cân đối kế toán:*

Việc phân tích bảng cân đối kế toán là rất cần thiết và quan trọng trong việc đánh giá tổng quát tình hình tài chính của Doanh nghiệp trong kỳ kinh doanh nên khi tiến hành phân tích cần đạt được những yêu cầu sau:

- Phân tích cơ cấu tài sản và nguồn vốn trong Doanh nghiệp, xem xét việc bố trí tài sản và nguồn vốn trong kỳ kinh doanh xem đã phù hợp chưa.

- Phân tích, đánh giá sự biến động của tài sản và nguồn vốn giữa số đầu kỳ và số cuối kỳ.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Bảng 3.1: Bảng phân tích cơ cấu tài sản

TÀI SẢN	Đầu năm		Cuối năm		Chênh lệch	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	±	%
A. TSLĐ&DTNH						
Tiền						
Các khoản ĐTTC ngắn hạn						
Các khoản phải thu ngắn hạn						
Hàng tồn kho						
Tài sản ngắn hạn khác						
B. TSCĐ&ĐTDH						
Phải thu dài hạn						
Tài sản cố định						
Bất động sản đầu tư						
Các khoản ĐTTC dài hạn						
Tài sản dài hạn khác						
CỘNG TÀI SẢN						

Đối với nguồn hình thành tài sản cần xem xét kỹ tỷ trọng từng loại nguồn vốn chiếm trong tổng số nguồn vốn cũng như xu hướng biến động của nó. Nếu nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cao hơn trong tổng số nguồn vốn thì doanh nghiệp có đủ khả năng tự đảm bảo về mặt tài chính và mức độ độc lập của doanh nghiệp đối với các chủ nợ là cao. Ngược lại, nếu nợ phải trả chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn thì khả năng đảm bảo về mặt tài chính của doanh nghiệp sẽ rất thấp.

Bảng 3.2: Bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn

NGUỒN VỐN	Đầu năm		Cuối năm		Chênh lệch	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	±	%
A. NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ ngắn hạn						
Nợ dài hạn						
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU						
Vốn chủ sở hữu						
Nguồn kinh phí và quỹ khác						
CỘNG NGUỒN VỐN						

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

3.1.2- Phân tích cân đối giữa tài sản và nguồn vốn

Phân tích tình hình phân bổ tài sản của Doanh nghiệp cho ta cái nhìn tổng quát về mối quan hệ và tình hình biến động về mặt tài chính để xem xét nội dung bên trong của nó mạnh hay yếu, cần phân tích cơ cấu nguồn vốn để đánh giá khả năng tự tài trợ về mặt tài chính của Doanh nghiệp cũng như mức độ tự chủ, chủ động trong kinh doanh hay những khó khăn mà Doanh nghiệp phải đương đầu. Điều đó được phản ánh qua việc xác định tỷ suất tự tài trợ càng cao thể hiện khả năng độc lập cao của Doanh nghiệp về mặt tài chính.

Bảng 3.3: Bảng mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn

Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn		Nợ ngắn hạn
Năm 2007		
Năm 2008		
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn		Nợ dài hạn + Vốn chủ sở hữu
Năm 2007		
Năm 2008		

3.1.3- Phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ *Báo cáo kết quả kinh doanh:*

Là báo cáo tài chính được các nhà lập kế hoạch rất quan tâm vì nó cung cấp số liệu về hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được coi như một bản hướng dẫn để dự báo xem Doanh nghiệp sẽ hoạt động ra sao trong tương lai.

Nội dung của báo cáo kết quả kinh doanh có thể thay đổi theo từng thời kỳ tùy theo yêu cầu quản lý, nhưng phải phản ánh được các nội dung cơ bản như doanh thu, chi phí, khấu hao tài sản cố định, trả lãi vay, nộp ngân sách Nhà nước...

❖ *Phân tích khái quát tình hình tài chính qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động do chức năng kinh doanh mang lại trong từng thời kỳ hạch toán của doanh nghiệp, là cơ sở chủ yếu để đánh giá, phân tích hiệu quả các mặt, các lĩnh vực hoạt động của Doanh nghiệp, phân tích nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đông tàu Hạ Long.

các nguyên nhân cơ bản đến kết quả hoạt động chung của Doanh nghiệp. Bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đúng đắn, chính xác sẽ là nguồn số liệu quan trọng để tính và kiểm tra số thuế mà doanh nghiệp phải nộp, đồng thời để kiểm tra và đánh giá về chất lượng hoạt động của Doanh nghiệp.

Bảng 3.4: Bảng phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	CHỈ TIÊU	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Chênh lệch	
				±	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
2	Các khoản giảm trừ doanh thu				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
4	Giá vốn hàng bán				
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV				
6	Doanh thu hoạt động tài chính				
7	Chi phí tài chính				
8	Chi phí bán hàng				
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
11	Thu nhập khác				
12	Chi phí khác				
13	Lợi nhuận khác				
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				
15	Chi phí thuế TNDN phải nộp				
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				

3.2- Phân tích các nhóm chỉ số tài chính đặc trưng của doanh nghiệp

Các số liệu trong báo cáo tài chính chưa lột tả được hết thực trạng tài chính của doanh nghiệp. Do vậy khi phân tích, các nhà tài chính còn sử dụng các chỉ số tài chính để giải thích thêm các mối quan hệ tài chính. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có các hệ số tài chính khác nhau, thậm chí nhiều doanh nghiệp ở những thời điểm khác nhau cũng có các hệ số tài chính không giống nhau. Do đó người ta coi các hệ số tài chính là những biểu hiện đặc trưng nhất về tình hình tài chính của Doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

3.2.1- Nhóm chỉ số về khả năng thanh toán

❖ *Khả năng thanh toán tổng quát:*

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát là mối quan hệ giữa tổng tài sản mà doanh nghiệp hiện có với tổng số nợ phải trả

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}}$$

+ Khả năng thanh toán của doanh nghiệp > 1 là tốt nhưng nếu lớn hơn 1 quá nhiều cũng không tốt vì điều đó chứng tỏ doanh nghiệp chưa tận dụng hết cơ hội chiếm dụng vốn.

+ Khả năng thanh toán của doanh nghiệp < 1 không tốt báo hiệu sự phá sản của doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu bị mất toàn bộ, tổng số tài sản hiện có của doanh nghiệp không đủ để trả số nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán.

❖ *Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn(Khả năng thanh toán hiện thời):*

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn phản ánh mối quan hệ giữa tài sản ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn.

$$\text{Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{TSLĐ \& ĐTNH}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Tính hợp lý của hệ số này phản ánh khả năng thanh toán ngắn hạn phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh. Ngành nghề nào TSLĐ chiếm tỷ trọng lớn (Thương mại) trong tổng tài sản thì hệ số này lớn và ngược lại.

❖ *Khả năng thanh toán nhanh:*

Hệ số khả năng thanh toán nhanh là thước đo khả năng trả nợ ngay các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp trong kỳ không dựa vào việc phải bán các loại vật tư hàng hóa.

$$\text{Khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{TSLĐ\&ĐTNH} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Chỉ số này quá nhỏ thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc thanh toán công nợ vì doanh nghiệp có thể buộc phải sử dụng các biện pháp bất lợi

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đông tầu Hạ Long.

nếu bán tài sản với giá thấp để trả nợ. Tuy nhiên, cũng như hệ số phản ánh khả năng thanh toán hiện thời, độ lớn của hệ số này phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh và kỳ hạn thanh toán của các khoản phải thu, phải trả trong kỳ.

❖ *Khả năng thanh toán tức thời:*

$$\text{Khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{Vốn bằng tiền}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Để đánh giá chính xác nhất khả năng thanh toán của doanh nghiệp người ta thường sử dụng chỉ số khả năng thanh toán tức thời. Độ lớn của chỉ số này phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh và kỳ hạn thanh toán của món nợ phải thu, phải trả trong kỳ.

Thông thường nếu hệ số này > 0.5 thì tình hình thanh toán của doanh nghiệp tương đối khả quan, còn nếu hệ số này < 0.5 thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc thanh toán công nợ và có thể sẽ phải bán tài sản, hàng hóa để trả nợ vì không có đủ tiền mặt để thanh toán. Tuy nhiên, nếu chỉ số này quá cao lại không tốt cho doanh nghiệp vì khi đó vốn bằng tiền quá nhiều, vòng quay tiền chậm lại làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.

❖ *Chỉ số nợ phải thu và nợ phải trả:*

Chỉ số này so sánh giữa phần vốn mà doanh nghiệp đi chiếm dụng và phần vốn mà doanh nghiệp bị chiếm dụng, sẽ cho chúng ta biết thêm về tình hình công nợ của doanh nghiệp.

$$\text{Chỉ số công nợ} = \frac{\text{Phần vốn đi chiếm dụng}}{\text{Phần vốn bị chiếm dụng}}$$

Phần vốn đi chiếm dụng là các khoản phải trả người bán, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả công nhân viên.

Phần vốn bị chiếm dụng là các khoản phải thu ngắn hạn.

❖ *Hệ số thanh toán lãi vay:*

Hệ số thanh toán lãi vay cho chúng ta biết được số vốn đi vay đã sử dụng tốt tới mức độ nào và đem lại một khoản lợi nhuận là bao nhiêu, có đủ bù đắp lãi vay phải trả không.

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Lãi vay phải trả}}$$

3.2.2- Các chỉ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu tài sản

❖ *Cơ cấu nguồn vốn:*

Nguồn vốn của doanh nghiệp được tạo nên chủ yếu từ hai nguồn: nguồn vốn vay và nguồn vốn chủ sở hữu. Cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp phản ánh bình quân trong một đồng vốn kinh doanh hiện nay doanh nghiệp đang sử dụng có mấy đồng nợ, hoặc có mấy đồng vốn chủ sở hữu. Hệ số nợ và tỷ suất tự tài trợ (hệ số vốn chủ sở hữu) là hai tỷ số quan trọng phản ánh cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp.

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100$$

Hệ số nợ cho biết trong một đồng vốn kinh doanh có mấy đồng hình thành từ vay nợ bên ngoài.

$$\text{Hệ số vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100$$

Hệ số vốn chủ sở hữu đo lường sự góp vốn của chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn hiện nay của doanh nghiệp. Vì vậy người ta còn gọi hệ số vốn chủ sở hữu là tỷ suất tự tài trợ.

Qua nghiên cứu hai hệ số này cho chúng ta thấy được mức độ độc lập hay phụ thuộc của doanh nghiệp đối với các chủ nợ hoặc mức độ tự tài trợ của doanh nghiệp đối với vốn kinh doanh của mình. Tỷ suất tự tài trợ càng lớn chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều vốn tự có, có tính độc lập cao đối với các chủ nợ, do đó không bị ràng buộc hoặc bị sức ép của các khoản nợ vay. Nhưng khi hệ số nợ cao thì doanh nghiệp lại có lợi vì sử dụng một lượng tài sản lớn mà chỉ đầu tư một lượng vốn nhỏ và các nhà tài chính sử dụng nó như một chính sách tài chính để gia tăng lợi nhuận.

❖ *Cơ cấu tài sản:*

Đây là một dạng tỷ suất phản ánh khi doanh nghiệp sử dụng bình quân một đồng vốn kinh doanh thì dành ra bao nhiêu để hình thành tài sản lưu động,

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

còn bao nhiêu để đầu tư vào tài sản cố định. Cơ cấu tài sản của doanh nghiệp được biểu hiện ở hai chỉ tiêu:

$$\text{- Tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn} = \frac{\text{TSCĐ \& ĐTDH}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

Tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn càng lớn càng thể hiện mức độ quan trọng của TSCĐ trong tổng tài sản mà doanh nghiệp đang sử dụng vào kinh doanh, phản ánh tình hình trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất và xu hướng phát triển lâu dài cũng như khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Tuy nhiên để kết luận tỷ suất này là tốt hay xấu còn tùy thuộc vào ngành nghề kinh doanh của từng doanh nghiệp trong từng thời gian cụ thể.

$$\text{- Tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{TSLĐ\&ĐTNH}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

- Cơ cấu tài sản: Phản ánh cứ dành một đồng đầu tư vào tài sản dài hạn thì dành ra bao nhiêu để đầu tư vào tài sản ngắn hạn.

$$\text{Cơ cấu tài sản} = \frac{\text{TSLĐ \& ĐTNH}}{\text{TSCĐ \& ĐTDH}}$$

3.2.3- Các chỉ số về hoạt động

Các chỉ số về hoạt động dùng để đo lường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của một doanh nghiệp bằng cách so sánh doanh thu với việc bỏ vốn vào kinh doanh dưới các tài sản khác nhau.

➤ *Số vòng quay hàng tồn kho:*

Số vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ. Số vòng quay hàng tồn kho càng cao thì việc kinh doanh được đánh giá càng tốt, bởi lẽ doanh nghiệp chỉ đầu tư cho hàng tồn kho thấp nhưng vẫn đạt được doanh số cao.

Công thức xác định:

$$\text{Số vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}} \quad (\text{vòng})$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Trong trường hợp không có thông tin về giá vốn hàng bán thì có thể thay thế bằng doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi đó số vòng quay hàng tồn kho sẽ có chất lượng kém hơn.

➤ *Số ngày một vòng quay hàng tồn kho:*

Số ngày một vòng quay hàng tồn kho phản ánh số ngày trung bình của một vòng quay hàng tồn kho.

Công thức xác định:

$$\frac{\text{Số ngày một vòng quay hàng tồn kho}}{\text{Số ngày trong kỳ}} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$$

➤ *Vòng quay các khoản phải thu:*

Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp.

Công thức xác định:

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Khoản phải thu bình quân}} \text{ (vòng)}$$

Doanh thu thuần được tính ở đây là tổng doanh thu thuần của ba hoạt động: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động bất thường.

Vòng quay càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu nhanh là tốt vì doanh nghiệp không phải đầu tư nhiều vào các khoản phải thu. Nếu số vòng quay thấp thì hiệu quả sử dụng vốn kém do vốn bị chiếm dụng nhiều.

➤ *Kỳ thu tiền bình quân:*

Kỳ thu tiền bình quân phản ánh số ngày cần thiết để thu được các khoản phải thu (số ngày của một vòng quay các khoản phải thu). Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì kỳ thu tiền trung bình càng nhỏ và ngược lại.

Công thức xác định:

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{360}{\text{Số vòng quay khoản phải thu}} \text{ (ngày)}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

➤ *Vòng quay vốn lưu động:*

Vòng quay vốn lưu động phản ánh trong kỳ vốn lưu động quay được mấy vòng.

Công thức xác định:

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}} \text{ (vòng)}$$

➤ *Số ngày một vòng quay vốn lưu động:*

Số ngày một vòng quay vốn lưu động phản ánh trung bình một vòng quay hết bao nhiêu ngày.

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn lưu động} = \frac{360(\text{ngày})}{\text{Vòng quay vốn lưu động}}$$

➤ *Hiệu suất sử dụng vốn cố định:*

Hiệu suất sử dụng vốn cố định đo lường việc sử dụng vốn cố định đạt hiệu quả như thế nào.

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn cố định} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn cố định bình quân}} \times 100$$

➤ *Vòng quay vốn kinh doanh:*

Vòng quay vốn kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh vốn của doanh nghiệp trong một kỳ quay được bao nhiêu vòng. Qua chỉ tiêu này ta có thể đánh giá được khả năng sử dụng tài sản của doanh nghiệp hoặc doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản mà doanh nghiệp đã đầu tư.

Công thức xác định:

$$\text{Vòng quay vốn kinh doanh} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

Vòng quay vốn kinh doanh càng lớn, hiệu quả mang lại cho doanh nghiệp càng cao.

➤ *Vòng quay tổng tài sản:*

Vòng quay tổng tài sản đánh giá tổng hợp khả năng quản lý tài sản cố định và tài sản lưu động của doanh nghiệp.

$$\text{Vòng quay tổng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

3.2.4- Các chỉ tiêu sinh lời

Các chỉ tiêu sinh lời luôn luôn được các nhà quản trị tài chính quan tâm bởi chúng là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định, là luận cứ quan trọng để các nhà quản trị đưa ra các quyết định tài chính trong tương lai.

✓ *Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (Doanh lợi biên: ROS):*

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là chỉ tiêu phản ánh trong một đồng doanh thu mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

✓ *Tỷ suất thu hồi tài sản (ROA):*

Tỷ suất thu hồi tài sản hay doanh lợi sau thuế trên tài sản đo lường sức sinh lời của vốn kinh doanh. Chỉ số này cho biết cứ 1 đồng vốn đầu tư vào doanh nghiệp tạo được bao nhiêu đồng lãi cho chủ sở hữu.

Công thức xác định:

$$\text{Tỷ suất thu hồi tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}}$$

✓ *Tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu (ROE):*

Tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu đo lường mức sinh lời của vốn chủ sở hữu. Chỉ số này cho biết cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu đầu tư vào doanh nghiệp sẽ sinh lời được bao nhiêu đồng.

$$\text{Tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}$$

3.2.5- Đẳng thức Dupont:

(a) Đẳng thức Dupont thứ nhất:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ suất thu hồi tài sản} &= \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}} \\ \text{ROA} &= \text{ROS} \times \text{Vòng quay tổng tài sản} \end{aligned}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đổng tàu Hạ Long.

Từ phân tích trên ta thấy có hai hướng để tăng ROA: Tăng lợi nhuận biên ROS hoặc tăng vòng quay tổng tài sản.

+ Muốn tăng ROS cần tăng lãi ròng bằng cách tiết kiệm chi phí và tăng giá bán.

+ Muốn tăng vòng quay tổng tài sản cần tăng doanh thu bằng cách giảm giá bán và tăng cường các hoạt động xúc tiến bán hàng.

(b) Đẳng thức Dupont thứ hai:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ suất thu hồi vốn góp(ROE)} &= \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \\ \text{ROE} &= \text{ROA} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \end{aligned}$$

Từ phân tích trên ta nhận thấy có hai hướng để tăng ROE: Tăng ROA hoặc tăng tỷ số tổng tài sản trên vốn chủ sở hữu:

+ Muốn tăng ROA cần làm theo đẳng thức Du Pont 1.

+ Muốn tăng tỷ số tổng tài sản trên vốn chủ sở hữu cần giảm vốn chủ sở hữu và tăng vốn vay. Đẳng thức này cho thấy tỷ số nợ càng cao, lợi nhuận của chủ sở hữu càng lớn. Tất nhiên, khi tỷ số nợ càng lớn thì rủi ro cũng sẽ lớn.

(c) Đẳng thức Dupont tổng hợp:

$$\begin{aligned} \text{ROE} &= \text{ROA} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \\ \text{ROE} &= \text{ROS} \times \text{Vòng quay tổng tài sản} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \end{aligned}$$

Từ những phân tích trên ta thấy ROE phụ thuộc vào 3 nhân tố: ROA, ROS và tỷ số tổng tài sản trên vốn chủ sở hữu. Các nhân tố này có thể ảnh hưởng trái chiều nhau tới ROE.

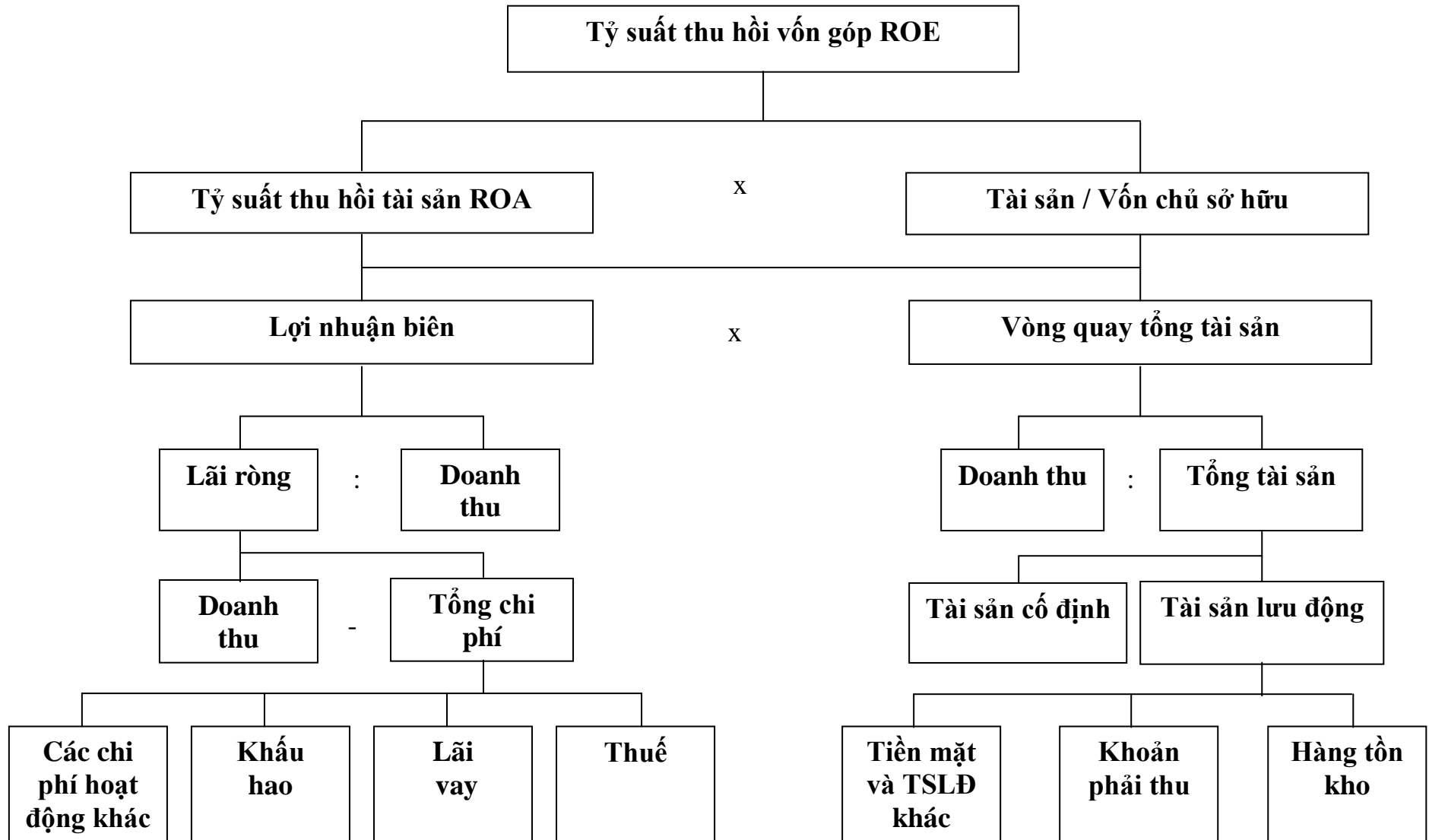
Phân tích trên cho phép xác định ảnh hưởng của 3 nhân tố này tới ROE của doanh nghiệp để tìm hiểu nguyên nhân làm tăng giảm chỉ số này. Việc phân tích các ảnh hưởng này được tiến hành theo phương pháp thay thế liên hoàn.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Phân tích Dupont cũng được khái quát hóa và trình bày chỉ số ROE một cách rõ ràng dưới dạng sơ đồ giúp cho các nhà quản trị tài chính có một bức tranh tổng hợp để có thể đưa ra một quyết định tài chính hữu hiệu.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Sơ đồ 1: Sơ đồ phân tích Dupont



PHẦN 2: THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÓNG TÀU HẠ LONG

1- KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY ĐÓNG TÀU HẠ LONG.

1.1- Quá trình hình thành và phát triển của Công ty đóng tàu Hạ Long.

Với phương châm phấn đấu từ nay đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp hiện đại, đứng trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần thúc đẩy quan hệ ngoại thương phát triển dẫn đến sự trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia trong khu vực và trên Thế giới. Nhu cầu về vận chuyển hàng hóa với khối lượng lớn giữa các quốc gia đã khiến cho thị trường vận tải biển ngày càng phát triển, nhiều con tàu có giá trị lớn lần lượt được đóng mới để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế hiện nay.

Trước tình hình đó, theo quyết định 4390/QĐ -TC ngày 15-11-1976 Bộ giao thông vận tải đã thành lập Nhà máy Đóng tàu Hạ Long thuộc liên hiệp các xí nghiệp đóng tàu Việt Nam tại phường Giếng Đáy - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.

Một số thông tin khái quát về công ty như sau:

- Tên công ty: Công ty TNHH một thành viên đóng tàu Hạ Long.
- Tên giao dịch quốc tế: Halong Shipbuilding One Member Of Responsibility Limited Company.
- Tên viết tắt: Halong Shipbuilding Co.Ltd.
- Hình thức pháp lý: Công ty nhà nước – Khối kinh tế trung ương.
- Địa chỉ: Phường Giếng Đáy – Thành Phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh.
- Tài khoản:
 - + VNĐ: 102010000226804 - Ngân hàng Công thương Bãi Cháy - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.
 - + Ngoại tệ: 10202000002489 - Ngân hàng Công thương Bãi Cháy - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (84-033) 3846556
- Fax: (84-033) 3846044

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

- Email: Halongshipyard@vinashin.com.vn

- Website: <http://www.vinashin.com.vn/halong>

- Cơ quan chủ quản: Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Việt Nam, nay là Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Chuyển đổi theo quyết định số 103/2006/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2006 của Thủ Tướng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam).

Công ty TNHH một thành viên đóng tàu Hạ Long (thường gọi là Công ty đóng tàu Hạ Long, trước đây là Nhà máy đóng tàu Hạ Long) là một doanh nghiệp Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Công ty đóng tàu Hạ Long là một trong những công ty đóng tàu lớn của Việt Nam do Chính phủ Ba Lan giúp thiết kế và xây dựng vào những năm 60 của thế kỷ XX, có nhiệm vụ đóng mới các loại tàu sông, biển có trọng tải từ 1.000T đến 55.000T, sửa chữa các loại tàu tới 30.000T. Ngoài ra, còn chế tạo một số kết cấu thép, trang thiết bị phục vụ cho ngành cơ khí đóng tàu và một số ngành kinh tế khác.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chia thành 4 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1: Giai đoạn 1976 - 1986*

Giai đoạn này Công ty với tên gọi là Nhà máy đóng tàu Hạ Long hoạt động theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp, sản xuất theo chỉ tiêu pháp lệnh của nhà nước giao.

- *Giai đoạn 2: Giai đoạn 1986 - 1993*

Thực hiện nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Nhà máy chuyển đổi từ cơ chế sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu pháp lệnh sang cơ chế hạch toán kinh doanh độc lập tự cân đối. Giai đoạn này Nhà máy đã phát huy được năng lực sáng tạo của cán bộ CNV, tạo ra nhiều mặt hàng sản xuất phụ, tăng thêm khoản đóng góp cho ngân sách Nhà nước, cải thiện đời sống của cán bộ CNV khá hơn so với thời bao cấp trước đó.

- *Giai đoạn 3: Giai đoạn 1993 - 2002*

Đây là giai đoạn Nhà máy chịu sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường. Nhà máy đã tìm kiếm được thị trường mới vào các năm 1998-2003, ký được hợp đồng đóng mới tàu 3.500T cho Tổng công ty dầu khí Việt Nam, ụ nổi

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

8.500T cho nhà máy sửa chữa tàu biển Sài Gòn, tàu hàng Bách hoá 12.000T, tàu 6.300T, tàu 6.500T

→ Có thể nói giai đoạn này là giai đoạn phát triển nhanh và mạnh của Nhà máy trên mọi lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh.

- *Giai đoạn 4: Giai đoạn 2003 đến nay*

Đây là giai đoạn phát triển rực rỡ nhất kể từ khi thành lập. Nhà máy đã nhận được hàng loạt các đơn hàng có giá trị lớn như: chở hàng rời 53.000T xuất khẩu với Tập đoàn Graig (*Vương Quốc Anh*), số lượng 09 chiếc, tàu hàng bách hoá 12.500 tấn cho Tổng công ty hàng hải Việt Nam (*Vinalines*), 08 chiếc tàu chở ô tô, tàu hàng khô 54.000T cho Công ty viễn dương Vinashin ...

Tiếp theo công bố trở thành Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt nam của Vinashin ngày 08/07/2006, ngày 27/12/2006, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn CNTT Việt Nam phê duyệt phương án và chuyển đổi Nhà máy đóng tàu Hạ Long thành Công ty TNHH một thành viên đóng tàu Hạ Long.

1.2- Chức năng, nhiệm vụ của Công ty.

Công ty đóng tàu Hạ Long là một Công ty Nhà nước được thành lập nhằm đáp ứng yêu cầu chung của thị trường sản xuất công nghiệp phương tiện vận tải thủy. Trong những năm vừa qua, để đáp ứng yêu cầu hội nhập, và để phù hợp với định hướng phát triển của Vinashin Công ty đóng tàu Hạ Long đã có những chiến lược cụ thể để đầu tư xây dựng và phát triển thành một Tổng công ty đóng tàu lớn của Việt Nam khu vực phía Bắc hoạt động đa ngành nghề theo hình thức công ty mẹ – công ty con. Bên cạnh đó sẽ tiếp tục đầu tư nâng cấp để trở thành một đơn vị đóng tàu lớn, hiện đại trong khu vực, nâng cao tính cạnh tranh, phù hợp với yêu cầu hội nhập.

1.2.1- Chức năng của Công ty

- Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp phương tiện vận tải thủy.

- Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2204000052 ngày 15 háng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp bao gồm các ngành nghề sau:

+ Đóng mới và sửa chữa tàu thủy, thiết bị và phương tiện nội; Tư vấn thiết kế các loại tàu thủy.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

- + Chế tạo kết cấu thép, phá dỡ tàu cũ; Dịch vụ xuất khẩu phế liệu.
- + Sản xuất các loại vật liệu, thiết bị cơ khí, điện, điện lạnh, điện tử phục vụ công nghiệp tàu thủy; Khảo sát thiết kế lắp đặt các hệ thống tự động, thông tin liên lạc viễn thông, phòng chống cháy nổ.
- + Sản xuất lắp đặt trang thiết bị nội thất tàu thủy. - Sản xuất lắp ráp động cơ diesel, động cơ lắp đặt trên tàu thủy; Lắp ráp, phục hồi, sửa chữa, xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, thiết bị GTVT.
- + Dịch vụ xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phụ tùng, phụ kiện tàu thủy và các loại hàng hóa liên quan đến ngành Công nghiệp tàu thủy
- + Tư vấn, thiết kế, lập dự án, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ; Hợp tác liên doanh với các tổ chức trong và ngoài nước phát triển thị trường Công nghiệp tàu thủy.
- + Đầu tư kinh doanh vận tải, kinh doanh dịch vụ hàng hải, nạo vét luồng lạch, vật liệu xây dựng.
- + Kinh doanh dịch vụ cảng, kho bãi và hỗ trợ vận tải.
- + Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển ngành Công nghiệp tàu thủy.
- + Kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn.

1.2.2- Nhiệm vụ của Công ty

 Tìm hiểu nắm bắt nhu cầu đóng tàu trong nước cũng như Thế Giới để từ đó có phương án và chiến lược kinh doanh cụ thể .

 - Tổ chức tiến hành xây dựng kế hoạch về nhu cầu nhân lực, nhu cầu vật tư, thiết bị đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

 - Đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế cho Nhà nước, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

1.3- Thuận lợi, khó khăn của Công ty

1.3.1- Thuận lợi:

 ✓ Sự phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế trong những năm gần đây kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề trong đó có ngành đóng tàu. Đặc

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

biệt, cùng với sự xuống dốc của các Nhà máy đóng tàu Châu Âu do kém sức cạnh tranh, xu thế đóng mới đã chuyển dịch dần sang châu Á với tốc độ hết sức nhanh. Hầu hết các chủ tàu nước ngoài đều tìm kiếm cơ hội hợp tác, đóng mới tại các quốc gia Châu Á với những đặc điểm ưu việt là nhân công rẻ, điều kiện tự nhiên thuận lợi, nhân công lành nghề....Việt Nam là một trong các quốc gia có ngành công nghiệp tàu thủy được hưởng những ưu thế đó, và Công ty đóng tàu Hạ Long chính là một đơn vị được hưởng những thuận lợi hiếm hoi này.

✓ Sự quan tâm của Chính phủ với chiến lược phát triển đội tàu trong nước và phát triển ngành đóng tàu của nước ta từ năm 2000 đến 2010. Theo đó hàng loạt các hợp đồng đóng mới cho chủ tàu trong nước đã và đang được ký kết, điều này đã tạo cho Công ty một nguồn hàng khá lớn với giá trị lên đến hàng trăm triệu đô la.

✓ Các chính sách hỗ trợ của Chính phủ như chính sách hỗ trợ vốn đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, chính sách miễn thuế nhập khẩu trang thiết bị, vật tư phục vụ đóng tàu đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho Ngành công nghiệp tàu thủy nói chung và Công ty nói riêng trong việc nâng cao tính cạnh tranh, sản xuất và đóng mới các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ.

✓ Bên cạnh đó, Công ty còn nhận được sự ủng hộ giúp đỡ và phối kết hợp chặt chẽ của các cấp uỷ, chính quyền địa phương TP Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh, sự tin tưởng của các ban, ngành trong và ngoài nước đã tạo điều kiện thuận lợi để Công ty ổn định và phát triển đi lên.

✓ Việc chế tạo thành công nhiều sản phẩm có trọng tải rất lớn, giá trị cao, kỹ thuật chế tạo phức tạp như: tàu 6.300T, tàu chở hàng khô 12.000 T, loạt tàu 12.500T cho Vinalines, tàu chở Container 1016 TEU đã khẳng định uy tín và vị thế của Công ty. Nhờ đó Công ty đã được giao nhiều hợp đồng đóng mới với các sản phẩm có trọng tải lớn như: loạt tàu chở hàng rời 53.000T xuất khẩu sang Anh quốc, tàu Container 1.730 TEU, tàu 8.700T, tàu 5.000T, tàu chở 4.500 ô tô...đã tạo ra khối lượng việc làm rất lớn và ổn định.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

✓ Đội ngũ cán bộ, đảng viên, CNVC-LĐ trong Công ty được đào tạo cơ bản, luôn có quyết tâm cao, tâm huyết, đoàn kết, nhất trí dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, luôn biết phát huy nội lực, kinh nghiệm, lao động sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn, hăng hái thi đua trong lao động sản xuất, quyết tâm xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh, có cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ tiên tiến hiện đại, trở thành một trung tâm công nghiệp tàu thủy của đất nước, có đủ khả năng hội nhập và cạnh tranh trên trường quốc tế.

1.3.2- Khó khăn

Bên cạnh rất nhiều những cơ hội đạt được, Công ty cũng gặp không ít khó khăn, thách thức như:

✓ Hiện nay nền kinh tế toàn cầu đang trong tình trạng khủng hoảng. Vì thế Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam nói chung và Công ty đóng tàu Hạ Long nói riêng chịu ảnh hưởng không ít, gặp nhiều khó khăn trong việc ký kết các hợp đồng đóng mới những con tàu có giá trị lớn.

✓ Dây chuyền công nghệ hiện tại đã được nâng cấp một phần song vẫn bị quá tải, Công ty phải tiến hành sản xuất kinh doanh trong điều kiện vừa phải đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật- công nghệ, vừa đào tạo, phát triển bổ sung nguồn nhân lực với quy mô lớn.

✓ Đứng trước xu thế của hội nhập, Công ty sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các công ty nước ngoài, đặc biệt là các công ty của nước bạn Trung Quốc. Điều bất lợi của Công ty là ở chỗ, mặc dù so với các đơn vị trong nước, Công ty là một trong những đơn vị đầu đàn, nhưng nếu đem so sánh với các quốc gia khác, kinh nghiệm và năng lực của ta vẫn còn khá hạn chế.

✓ Công ty không thể chủ động trong vấn đề cung cấp vật tư vì hiện nay, gần như 100% vật tư thiết bị phục vụ cho đóng tàu ta vẫn phải nhập từ nước ngoài do trong nước không có khả năng cung ứng. Đây là một khó khăn không nhỏ khiến Công ty phải từ chối rất nhiều đơn hàng có giá trị.

✓ Bên cạnh đó, với đặc thù của ngành, nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh là rất lớn. Do đó Công ty đã phải vay vốn của các tổ chức tín dụng, các

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

ngân hàng Thương mại, các quỹ hỗ trợ phát triển với lãi suất rất lớn. Đây có thể nói là một vấn đề vô cùng bức xúc của Công ty không dễ giải quyết trong một thời gian ngắn.

✓ Một thách thức rất nan giải của Công ty cũng như các Công ty cùng ngành khác là tiến độ thanh toán của chủ tàu chậm. Thường sau khi sản phẩm thi công được 4 đến 5 tháng thì mới giải ngân được vốn cho Công ty vì các sản phẩm này đều được đầu tư của nguồn vốn quỹ hỗ trợ và phát triển nên thanh toán theo như khối lượng của XDCB cụ thể như tàu 12.500T, Tàu CONTAINER 1016 TEU, Tàu 6.300.T Và tình trạng nợ đọng sau khi quyết toán cũng là gánh nặng rất lớn của Công ty khi phải vay vốn thi công và chịu lãi suất ngân hàng.

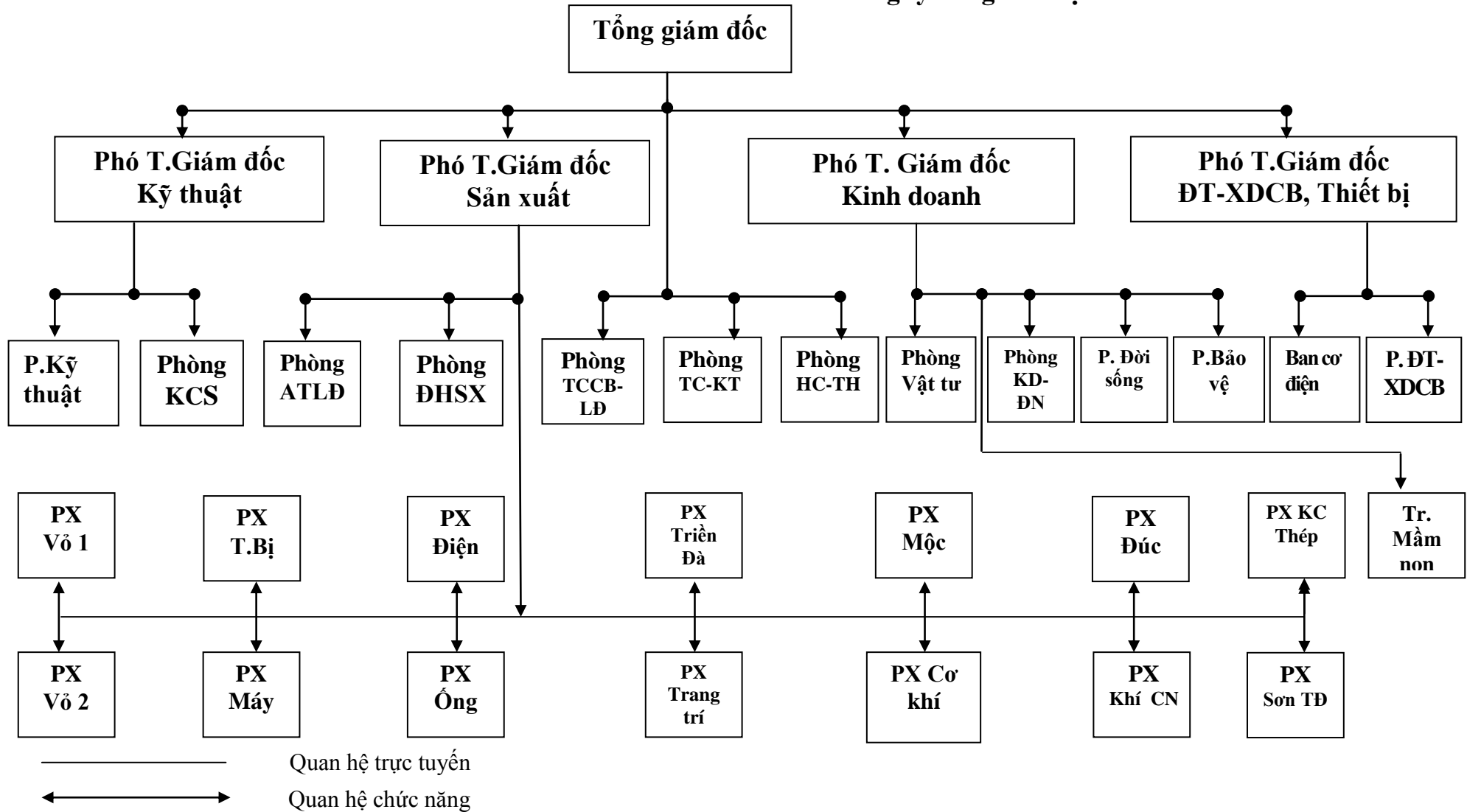
✓ Với lực lượng lao động trẻ chiếm đa số, tình trạng thiếu lao động có tay nghề cũng đưa đến cho Công ty rất nhiều khó khăn. Đặc biệt một số lao động có tay nghề sau quá trình làm việc tại Công ty đã xin nghỉ việc, điều này đã gây cho Công ty không ít khó khăn trong việc sắp xếp nhân sự, ký kết hợp đồng lớn đóng những con tàu trọng tải 53000T, 54000T...

1.4- Cơ cấu tổ chức của Công ty

1.4.1- Sơ đồ cơ cấu tổ chức

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Sơ đồ 2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty đóng tàu Hạ Lon



Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

1.4.2- Chức năng nhiệm vụ cơ bản của các bộ phận quản lý:

❖ *Tổng Giám đốc:* Chịu trách nhiệm chung về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và Nhà nước, có nhiệm vụ quản lý và điều hành, bảo toàn và làm tăng nguồn vốn của Công ty, bảo đảm duy trì và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ cán bộ CNV. Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành Phòng tổ chức cán bộ lao động, Phòng tài chính kế toán và Phòng Hành Chính - Tổng hợp.

❖ *Phó Tổng Giám đốc Đầu tư - Xây dựng cơ bản:* Phụ trách lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch đầu tư và quản lý cơ sở hạ tầng, kế hoạch đổi mới công nghệ trang thiết bị máy móc phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn.

❖ *Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật:* Chịu trách nhiệm trực tiếp về kỹ thuật của các sản phẩm sản xuất, đảm bảo tiến độ hoàn thành các bản vẽ, hồ sơ kỹ thuật cho tàu.

❖ *Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh:* Trực tiếp phụ trách khâu cung ứng vật tư, thiết bị nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất kinh doanh.

❖ *Phó Tổng Giám đốc Sản xuất:* Trực tiếp điều hành tiến độ sản xuất thi công các sản phẩm phải đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng sản phẩm theo kế hoạch.

1.4.3- Chức năng nhiệm vụ cơ bản của các phòng ban chức năng

❖ *Phòng Tổ chức cán bộ lao động:* Được biên chế tổng số là 14 người. Trong đó gồm một trưởng phòng và một phó phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác tổ chức cán bộ và quản lý lao động. Thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng và các chế độ chính sách cho người lao động. Xây dựng, điều chỉnh và quản lý định mức lao động, đơn giá tiền lương theo chế độ hiện hành.

❖ *Phòng đầu tư xây dựng cơ bản:* Tham mưu cho Tổng Giám đốc kế hoạch đầu tư xây dựng, mở rộng sản xuất và quản lý hệ thống công nghệ trang thiết bị máy móc.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

❖ *Phòng Kinh doanh - đối ngoại:* Tham mưu lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Tổng Giám đốc và công tác giao dịch, kí kết hợp đồng, marketing của Công ty.

❖ *Phòng Tài chính - Kế toán (Phòng TC-KT):* Tham mưu cho Tổng Giám đốc quản lý về mặt tài chính, quản lý và hạch toán nội bộ trong Công ty.

❖ *Phòng Vật tư:* Tham mưu và lập kế hoạch mua sắm vật tư, trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất. Tổ chức mua sắm và cấp phát vật tư cho các đơn vị sản xuất.

❖ *Phòng Điều hành sản xuất (Phòng DHSX):* Tổng số là 19 người trong đó có một trưởng phòng và một phó phòng. Có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng Giám đốc về quá trình tổ chức thực hiện sản xuất, tổ chức điều hành chấp nối các phòng ban phân xưởng trong dây chuyền sản xuất đảm bảo có hiệu quả và an toàn nhất. Giám sát, đôn đốc các đơn vị sản xuất, phục vụ sản xuất đảm bảo tiến độ hoàn thành sản phẩm trong quá trình thi công.

❖ *Phòng Kỹ thuật tàu (Phòng KT tàu):* Chịu trách nhiệm về toàn bộ công nghệ kỹ thuật tàu trước Tổng Giám đốc. Có nhiệm vụ lập hạng mục bản vẽ thiết kế kỹ thuật, theo dõi giám sát kỹ thuật, công nghệ trong quá trình thi công sản xuất. Phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ lao động về công tác định mức lao động.

❖ *Phòng KCS:* Tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác xây dựng phương án, tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm, quản lí, duy trì việc áp dụng hệ thống quản lí chất lượng quốc tế ISO 9001 – 2000 tại Công ty. Có nhiệm vụ giám sát, nghiệm thu các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

❖ *Phòng An toàn lao động:* Tham mưu cho Tổng Giám đốc về thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động và bảo đảm các trang thiết bị bảo hộ lao động.

❖ *Phòng Hành chính - Tổng hợp:* Tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác văn thư, lưu trữ tài liệu và công tác hành chính văn phòng đảm bảo các trang thiết bị văn phòng cho cán bộ và các phòng, ban, đơn vị trong Công ty.

❖ *Phòng đời sống:* Có nhiệm vụ tổ chức phục vụ các bữa ăn thêm giờ, ăn giữa ca cho CB.CNV, phục vụ ăn nghỉ cho khách đến công tác, làm việc tại Công ty

❖ *Phòng Bảo vệ:* Có nhiệm vụ bảo vệ an toàn tài sản, máy móc, trang thiết bị và hàng hoá của Công ty và khách hàng. Đảm bảo về an ninh trật tự

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

trong nội bộ doanh nghiệp và khu vực Công ty đặt trụ sở. Theo dõi và thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự của Công ty đối với Nhà nước.

Ngoài các phòng ban chức năng, một bộ phận quan trọng của Công ty chính là các phân xưởng sản xuất như: Phân xưởng Vỏ 1, Vỏ 2, Phân xưởng Trang bị, Phân xưởng Máy tàu, Phân xưởng điện tàu, Phân xưởng ống tàu, Phân xưởng Cơ khí, Phân xưởng Mộc - Xây dựng, Phân xưởng Trang trí, Phân xưởng Làm sạch và sơn tổng đoạn, Phân xưởng Đúc - Đắt đèn, Phân xưởng Khí công nghiệp, Phân xưởng Triền đà. Các phân xưởng sản xuất này được tổ chức và điều hành sản xuất bởi các quản đốc và phó quản đốc. Mỗi phân xưởng có nhiệm vụ gia công lắp ráp một bộ phận, một công đoạn từ trang thiết bị cho đến việc trang trí hoàn tất một con tàu theo bản vẽ thiết kế kỹ thuật dưới sự điều hành giám sát của Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng liên quan. Quản đốc phân xưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tiến độ thi công, chất lượng và số lượng sản phẩm được giao chế tạo. Hầu hết các cán bộ phòng ban phân xưởng đều có trình độ đại học và cao đẳng, có thâm niên nghề nghiệp đảm bảo được trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý kinh tế, kỹ thuật công nghệ.

1.5- Sản phẩm và các hoạt động của Công ty đóng tàu Hạ Long.

1.5.1- Sản phẩm

Công ty đóng tàu Hạ Long là Công ty chuyên đóng mới và sửa chữa tàu biển cho vận tải nội địa và quốc tế. Đối với quốc phòng an ninh, Công ty đóng tàu quân sự cho Bộ tư lệnh Hải Quân Việt nam với các sản phẩm như tàu Trường Sa 02, 04, 06, 08, 10. Trong những năm gần đây, Công ty đã triển khai đóng một loạt tàu, điển hình gồm :

- 01 Tàu LPG:

Đây là loại tàu chở khí hóa lỏng. Tổng giá trị tàu 100 tỷ. Chủ tàu: Công ty vận tải ven biển Thành Phố Hồ Chí Minh.

- 01 Tàu 12.000T

Đây là loại tàu chở hàng khô. Tổng giá trị tàu 149 tỷ. Chủ tàu: Công ty vận tải viễn dương VINASHIN.

- 01 Tàu 6.300T-01

Là loại tàu chở hàng khô. Tổng giá trị tàu 99 tỷ. Chủ tàu: Công ty vận tải và dịch vụ hàng hải.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

- 02 Tàu Container

Là loại tàu chở Container. Tổng giá trị tàu 302 tỷ. Chủ tàu: Công ty vận tải Biển Đông.

- 01 Tàu 6.500T

Là tàu chở hàng khô. Tổng giá trị tàu: 98 tỷ. Chủ tàu: Công ty vận tải biển và thương mại Đà Nẵng.

- 05 Tàu 12.500T

Là loại tàu chở hàng khô. Tổng giá trị tàu: 160 tỷ. Chủ tàu: Tổng công ty hàng hải Việt Nam.

- 02 Tàu 53.000T

Đây là loại tàu chở hàng rời viển dương. Tàu được đóng và trang bị cho việc chuyên chở các loại hàng nguy hiểm trong phạm vi quy định của các công ước quốc tế.

Tổng giá trị tàu: 23 triệu USD x 01 tàu, đóng cho Chủ tàu Graig – Vương quốc Anh

- 08 tàu chở ô tô

Tổng giá trị 49 triệu USD/ 01 tàu, đóng cho Công ty **RAY CAR CARRIERS LIMITED**

Ngoài ra, Công ty còn đóng mới hàng loạt các sản phẩm khác như tàu hàng bách hoá 8.700T, tàu container 1.730 TEU, tàu 53.000T... Để thi công các sản phẩm trên, toàn bộ thiết bị, máy móc đều phải nhập ngoại từ các hãng danh tiếng của các quốc gia có nền công nghiệp đóng tàu phát triển như: Nhật, Đức, Hàn quốc, Trung quốc, Nga, Balan...

1.5.2- Các hoạt động của Công ty đóng tàu Hạ Long

1.5.2.1- Hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ *Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2007 - 2008.*

Bảng 1.1: Kết quả tiêu thụ và doanh thu năm 2007

Đvt: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2007		
		KH	TT	TT/KH(%)
Tổng giá trị SXKD	VND	1.900.000.000	1.930.347.000	101,60
Doanh thu	VND	1.800.000.000	1.835.692.000	101,98
Đóng mới	VND	1.713.800.000	1.749.266.000	102,07
Sửa chữa	VND	2.200.000	2.202.000	100,09
Sản xuất khác	VND	84.000.000	84.224.000	100,27

(Nguồn: Phòng Kinh doanh – Đối ngoại)

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Bảng 1.2: Kết quả tiêu thụ và doanh thu năm 2008

Đvt: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2008		
		KH	TT	TT/KH(%)
Tổng giá trị SXKD	VND	2.400.000.000	2.410.690.000	100,45
Doanh thu	VND	2.100.000.000	2.144.912.000	102,14
Đóng mới	VND	2.000.000.000	2.042.449.000	102,12
Sửa chữa	VND	1.800.000	1.809.000	100,50
Sản xuất khác	VND	98.200.000	100.654.000	102,50

(Nguồn: Phòng Kinh doanh – Đối ngoại)

Nhận xét: Căn cứ vào biểu thống kê kết quả tiêu thụ và doanh thu của Công ty năm 2007 – 2008 ta thấy:

- Tổng giá trị SXKD năm 2007 thực tế so với kế hoạch tăng 101,60%, năm 2008 tăng 100,45%.

- Doanh thu luôn ở mức vượt kế hoạch. Cụ thể năm 2007 doanh thu thực tế đã tăng 101,98% so với kế hoạch, đến năm 2008 tăng 102,14%. Trong đó, đóng mới năm 2007 thực tế tăng 102,07%, đến năm 2008 tăng 102,12% so với kế hoạch. Sửa chữa chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng doanh thu, nhưng vẫn vượt kế hoạch năm 2007 là 100,09% và 100,50% ở năm 2008. Chỉ tiêu sản xuất khác cũng tăng 100,27% năm 2007 và 102,50% năm 2008.

- Nhìn chung Công ty luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đặt ra, đạt mục tiêu về tổng sản lượng và doanh thu năm sau cao hơn so với năm trước. Qua đây ta cũng thấy được chủ trương của Công ty là tập trung vào các sản phẩm đóng mới có giá trị cao nhằm mang lại doanh thu lớn cho Công ty và nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ công nhân viên.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009

Bảng 1.3: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009

TÊN CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch 2009		
		Sản xuất	Sản lượng(đ)	Doanh thu (đ)
I- Sản phẩm			2.884.310.000.000	2.825.290.000.000
1- Đóng mới			2.869.310.000.000	2.810.290.000.000
Tàu 12500 - HL15	Chiếc	0.4/1	72.000.000.000	55.000.000.000
Tàu 12500 - HL17	Chiếc	1/1	180.000.000.000	205.000.000.000
Tàu 12500 - HL18	Chiếc	0.5/1	90.000.000.000	100.500.000.000
Tàu 12500 - HL20	Chiếc	0.5/1	90.000.000.000	100.500.000.000
Tàu 1.730 TEU B170-V21	Chiếc	0.01/1	5.500.000.000	5.500.000.000
Tàu 1.800 TEU No1	Chiếc	0.55/1	313.500.000.000	313.500.000.000
Tàu 1.800 TEU No2	Chiếc	0.45/1	256.500.000.000	385.000.000.000
Tàu 53000 T – HL06	Chiếc	0.25/1	106.000.000.000	24.000.000.000
Tàu 53000 T – HL08	Chiếc	0.7/1	296.800.000.000	110.000.000.000
Tàu 53000 T – HL09	Chiếc	0.6/1	254.400.000.000	215.000.000.000
Tàu 53000 T – HL07	Chiếc	0.58/1	245.920.000.000	350.000.000.000
Tàu 53000 T – HL12	Chiếc	0.2/1	84.800.000.000	83.000.000.000
Tàu 53000 T – HL14	Chiếc	0.15/1	63.600.000.000	60,000,000,000
Tàu hàng 54.000T-H172	Chiếc	0.1/1	47.000.000.000	40.000.000.000
Tàu chở ô tô 4.900 xe số 1	Chiếc	0.29/1	223.590.000.000	223.590.000.000
Tàu chở ô tô 4.900 xe số 2	Chiếc	0.7/1	539.700.000.000	539.700.000.000
2- Sửa chữa + sản xuất khác			15.000.000.000	15.000.000.000
II – Ôxy	M ³	1.584.000	5.860.800.000	
III - Các đơn vị thành viên			254.860.000.000	236.950.000.000
TỔNG			3.145.030.800.000	3.062.240.000.000

(Nguồn: Phòng Kinh doanh – Đối ngoại)

1.5.2.2- Hoạt động Marketing

Cạnh tranh là một quy luật tất yếu của nền kinh tế thị trường. Bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại đều phải chịu tác động của quy luật này. Quy luật cạnh tranh là một động lực của sự phát triển vì trên thương trường các doanh nghiệp kinh doanh kém hiệu quả sẽ bị đào thải, tạo điều kiện thuận lợi giúp các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tốt phát triển đi lên.

Hiện nay Công ty đóng tàu Hạ Long đang chịu sức ép từ rất nhiều đối thủ cạnh tranh như Công ty đóng tàu Bạch Đằng, Công ty đóng tàu Phà Rồng, Công ty đóng tàu Bến Kiền, Công ty đóng tàu Sông Cẩm, Công ty đóng tàu Nam Triệu, Xí nghiệp đóng tàu Hạ Long... Trong đó đối thủ nặng ký nhất của Công ty hiện nay là Công ty đóng tàu Bạch Đằng. Do vậy, Công ty cần áp dụng các biện pháp Marketing vào sản xuất. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

đóng mới và sửa chữa tàu biển. Do đó muốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mình đạt kết quả cao trong khi trên thị trường còn có rất nhiều đối thủ cạnh tranh khác thì hình thức xúc tiến bán hàng là vô cùng quan trọng. Sau đây là một số hình thức xúc tiến bán hàng mà Công ty đã áp dụng:

- Công ty luôn tham gia các hội trợ triển lãm của ngành Cơ khí trong nước và quốc tế.

- Không ngừng tổ chức các hoạt động quảng cáo, tuyên truyền, thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đưa ra những thế mạnh của Công ty như lượng sản phẩm, tiến độ thi công, giá cả... của sản phẩm để khách hàng tin tưởng vào sản phẩm của Công ty. Để từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Về thị trường tiêu thụ sản phẩm của công ty chủ yếu là các Tổng công ty vận tải đường biển chuyên kinh doanh vận tải hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế.

Về hệ thống phân phối sản phẩm, hiện nay do đặc điểm của Công ty là sản xuất theo đơn đặt hàng của chủ hàng, hơn nữa chi phí đầu tư để đóng mới một sản phẩm là rất lớn. Do đó Công ty chú trọng đến kênh phân phối: Marketing trực tiếp và kênh cấp một. Hình thức phân phối này phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty đồng thời tạo được sự gắn kết giữa các thành viên trong kênh để phân phối sản phẩm của mình đến khách hàng đạt hiệu quả cao nhất và chi phí thấp nhất.

1.5.3- Đặc điểm, cơ cấu lao động và phương pháp trả lương

❖ Đặc điểm, cơ cấu lao động:

- Tỷ lệ lao động trẻ chiếm đa số.
- Do tính chất phức tạp của công việc với ngành nghề kinh doanh chính là đóng mới và sửa chữa tàu biển nên tỷ lệ lao động nam chiếm ưu thế hơn so với lao động nữ.

- Hiện tại tổng số cán bộ công nhân viên chức của Công ty là: 5496 người.

Trong đó: + Nữ: 895 người.
 + Lao động trực tiếp: 4859 người
 + Lao động gián tiếp: 637 người

(Nguồn: Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2008)

- Trình độ lao động:

**Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại
Công ty TNHH một thành viên Đông tàu Hạ Long.**

Bảng 1.4 : Cơ cấu Lao động theo Giới, Tuổi, Trình Độ chuyên môn, Kỹ thuật

TT	Chức danh	Số lượng	Trong đó			Tuổi đời				Trên ĐH	Trình độ kỹ thuật – kinh tế – chuyên môn khác							Chính trị			
			Đảng viên	Phụ nữ	Bộ đội phục viên	< 30	31-45	46-55	>55		ĐH – CĐ			Trung học			Công nhân	Qly KT		Cao Cấp	Trung cấp
											Kỹ thuật	Kinh tế	CM khác	Kỹ thuật	Kinh tế	CM khác		Trung ương	Ngành		
I	Cộng lãnh đạo	90	90	4	15	7	41	37	5		60	12	5	7			6			4	
1	Tổng Giám đốc	1	1	0	1			1			1										
2	Phó T.giám đốc, CTCĐ	5	5	0	1		4		1		3	2								1	
3	Trưởng phòng, ban	13	13	1	3		7	6			10	3									
4	Phó phòng, ban	26	26	3	5	5	8	13			14	7	5								
5	Quản đốc	16	16	0	2		7	8	1		14			2						2	
6	P.Quản đốc	29	29	0	3	2	15	9	3		18			5			6				
II	Cộng cán bộ đơn thuần	400	96	118	20	221	93	58	28		246	46	46	22	40						
1	Đại học– CN kỹ thuật	246	70	25	12	171	48	20	7		246										
2	Đại học – CN kinh tế	46	17	32	2	22	15	7	2			46									
3	Trung học kỹ thuật	22	9	5	4	0	5	9	8					22							
4	Trung học kinh tế	40	7	26	2	9	12	15	4						40						
5	ĐH- CĐ- CM khác	46	3	30	0	19	13	7	7				46								
III	Cộng CNV	5006	346	773	72	3458	939	574	35					327	5		4674				
1	NVHC – NVKT	20	11	13	3	8	6	5	1					2	5		13				
2	Nhân viên phục vụ	127	12	122	5	88	36	3	0								127				
3	CN Kỹ thuật	4859	323	638	64	3362	897	566	34					325			4534				
	Tổng CB.CNV	5496	532	895	107	3686	1073	669	68		306	58	51	356	45		4680			7	

(Nguồn: Phòng tổ chức cán bộ-lao động)

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Nhận xét:

- Qua bảng cơ cấu lao động, tỷ lệ lao động có trình độ đại học và cao đẳng là 415 người (7,55%), Trung cấp 401 người (7,29%), công nhân kỹ thuật là 4534 người (82,50%) là tương đối hợp lý.

- Về mặt cơ cấu: tỷ lệ giữa lao động trực tiếp và gián tiếp là cân đối phù hợp.

- Về độ tuổi và giới tính: Do tính chất công việc và đặc thù của Công ty nên lực lượng lao động nam chiếm tỷ lệ cao hơn lao động nữ. Điều này là phù hợp với công việc nặng nhọc, độc hại. Phần lớn lao động nam là công nhân trực tiếp sản xuất tại các phân xưởng.

❖ **Phương pháp trả lương**

Công ty đóng tàu Hạ Long là một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập nên chế độ tiền lương, tiền thưởng, phương pháp trả lương do Hội đồng lương của Công ty ban hành. Được căn cứ vào các văn bản của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn của Liên Bộ Thương binh xã hội – Bộ Tài chính ban hành. Hiện nay Công ty áp dụng 2 hình thức trả lương:

- *Lương sản phẩm*: Hình thức trả lương theo sản phẩm là số tiền người lao động nhận được tính theo đơn giá tiền lương, số lượng sản phẩm hoàn thành theo hạng mục công việc được giao trên cơ sở định mức lao động và đơn giá ngày công do Công ty quy định.

Công thức xác định quỹ lương của tập thể:

$$TL_{sp} = Đg \times Q$$

Trong đó: - TL_{sp} : Tiền lương sản phẩm của tổ, nhóm.

- $Đg$: Đơn giá lương sản phẩm.

- Q : Số lượng sản phẩm thực tế của tổ, nhóm đã hoàn thành.

- *Lương thời gian*: Áp dụng cho bộ phận gián tiếp ở các phòng ban, phân xưởng và hàng tháng Trưởng các phòng, ban, đơn vị cùng với Công đoàn bộ phận bình xét, đánh giá và xếp hệ số thái độ (A-B-C-KK) cho từng nhân viên công khai để làm cơ sở phân phối tiền lương hàng tháng cho phù hợp.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Hệ số thái độ do công ty quy định gồm 4 mức như sau:

Loại A(HSTĐ = 1,4): Là những người có trình độ chuyên môn giỏi, chấp hành tốt sự phân công của người phụ trách, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Loại B(HSTĐ = 1,2): Hoàn thành công việc, giờ công, chấp hành tốt công việc được giao.

Loại C(HSTĐ= 1,0): Hoàn thành công việc, giờ công, chấp hành công việc được giao ở mức bình thường.

Loại Khuyến khích(HSTĐ= 0,9): Giờ công không đảm bảo, hiệu quả công việc không cao hoặc hoàn thành không đúng thời gian quy định.

2- PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY ĐÓNG TÀU HẠ LONG THÔNG QUA HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1- Đánh giá chung tình hình tài chính của Công ty

2.1.1- Phân tích khái quát tình hình tài chính Công ty qua bảng cân đối kế toán

BẢNG 2.1: PHÂN TÍCH CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2007 – 2008

Dvt: đồng

TÀI SẢN	2007		2008		Chênh lệch	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	±	%
A.TSLĐ&ĐTNH	3.081.024.499.325	89.85	2.404.599.671.524	61.73	-676.424.827.801	-21,95
Tiền	26.486.999.667	0.63	145.128.047.665	3.73	118.641.047.998	447.92
ĐTTC ngắn hạn	63.349.516.723	1.50	-	-	- 63.349.516.723	-100
Phải thu ngắn hạn	2.132.119.322.103	50.40	1.344.688.218.823	34.52	-787.431.103.280	-36.93
Hàng tồn kho	829.585.027.284	19.61	895.488.365.615	22.99	65.903.338.331	7.94
Tài sản ngắn hạn khác	29.483.633.548	0.70	19.295.039.421	0.5	-10.188.594.127	-34.56
B. TSCĐ&ĐTDH	1.149.458.263.232	27.17	1.490.891.958.596	38.27	341.406.695.364	29.70
Phải thu dài hạn	783.487.599	0.02	3.605.623.027	0.09	2.822.135.428	360.20
Tài sản cố định	1.099.114.704.189	25.98	1.422.945.802.290	36.53	323.831.098.101	29.46
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
ĐTTC dài hạn	36.975.341.309	0.87	36.990.841.453	0.95	15.500.144	0.04
Tài sản dài hạn khác	12.584.730.135	0.30	27.349.691.826	0.70	14.764.961.691	117.32
CỘNG TÀI SẢN	4.230.482.762.557	100	3.895.491.630.120	100	-334.991.132.437	-7.92

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007-2008)

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Qua bảng phân tích trên ta thấy:

- Năm 2007, TSLĐ và ĐTNH là 3.801.024.499.325 đồng chiếm 72,83 % trong tổng tài sản, trong đó chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 50,39% và hàng tồn kho chiếm 19,61%, còn tiền chi chiếm 0,63%.

TSCĐ và ĐTDH của Công ty là 1.149.458.263.232 đồng chiếm 21,17% trong tổng tài sản, trong đó chủ yếu là TSCĐ chiếm 17,27% và chi phí xây dựng cơ bản dở dang chiếm 8,71%.

- Đến năm 2008, TSLĐ và ĐTNH giảm đi còn 2.404.599.671.524 chiếm 61,73% trong tổng tài sản của Công ty, trong đó chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 34,52% và hàng tồn kho chiếm 22,99%.

TSCĐ và ĐTDH lại tăng lên là 1.490.891.958.598 đồng chiếm 38,27% so với tổng tài sản.

→ So sánh giữa 2 năm 2007 và 2008:

+ TSLĐ và ĐTNH năm 2008 so với năm 2007 có sự thay đổi rõ rệt theo hướng giảm đi 1.396.424.827.801 đồng tương ứng với mức giảm là 36,74%. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 63.349.516.723 đồng tương ứng với mức giảm là 100%, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 787.431.103.280 đồng tương đương với mức giảm là 36,93% , tài sản ngắn hạn khác cũng giảm 10.188.594.127 đồng tương ứng với mức giảm là 34,56 % là do một số nguyên nhân như trong năm Công ty không được khấu trừ thuế và số tiền phải thu của khách hàng ít. Điều này chứng tỏ Công ty đã có biện pháp thu hồi các khoản tiền ở mức tối đa, hạn chế để khách hàng chiếm dụng vốn.

+ TSCĐ và ĐTDH năm 2008 lại tăng lên so với năm 2007 là 341.433.695.364 đồng tương ứng với mức tăng 29,70% trong đó phải thu dài hạn tăng 2.822.135.428 tương ứng với mức tăng 360,20%, TSCĐ tăng 323.831.098.101 đồng tương ứng với mức tăng 29,46%, các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng 15.500.144 đồng tương đương với mức tăng là 0,04%, tài sản dài hạn khác tăng 14.764.961.691 đồng tương đương với mức tăng 117,32%. So sánh giữa 2 năm ta thấy TSCĐ và ĐTDH tăng lên chủ yếu do Công ty đã đầu tư thêm máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất. Điều này cho thấy rằng Công ty luôn đầu tư vào các trang thiết bị phục vụ tốt nhất cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đông tàu Hạ Long.

+ Cơ cấu tài sản là chưa hợp lý, TSLĐ và ĐTNH chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản trong đó chủ yếu là hàng tồn kho và khoản phải thu của khách hàng, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. Vì vậy Công ty cần có những biện pháp làm giảm hàng tồn kho và khoản phải thu của khách hàng xuống sẽ tăng hiệu quả sử dụng vốn.

BẢNG 2.2: PHÂN TÍCH CƠ CẤU NGUỒN VỐN NĂM 2007 – 2008

Đvt: đồng

NGUỒN VỐN	2007		2008		Chênh lệch	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	±	%
A. NỢ PHẢI TRẢ	4168.243.954.869	98,53	3.818.971.372.333	98,04	- 349.272.582.536	- 8,38
Nợ ngắn hạn	2.992.580.965.951	70,74	2.536.561.954.357	65,12	-456.019.011.594	-15,24
Nợ dài hạn	1.175.662.988.918	27,79	1.282.409.417.976	32,92	106.746.429.058	9,08
B. NGUỒN VỐN CSH	62.238.807.688	1,47	76.520.257.787	1,96	14.281.450.099	22,95
Nguồn vốn CSH	41.992.574.838	0,99	42.092.574.838	1,08	100.000.000	0,09
Nguồn kinh phí và quỹ khác	20.246.232.850	0,48	19.122.181.405	0,49	- 1.124.051.445	0,01
Lợi nhuận chưa phân phối	-	-	15.305.501.544	0,39	15.305.501.544	0,39
CỘNG NGUỒN VỐN	4.230.482.762.557	100	3.895.491.630.120	100	- 334.991.132.437	- 7,92

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007 – 2008)

Qua bảng phân tích trên ta thấy:

+ Năm 2007 nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là 62.238.807.688 đồng và chiếm 1,47% trong tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là nguồn vốn kinh doanh chiếm 0,99% và phần quỹ của doanh nghiệp chiếm 0,48%.

Trong năm 2007, Nợ phải trả là 4.168.243.954.869 đồng chiếm 98,53% so với tổng nguồn vốn.

+ Sang năm 2008, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là 76.520.257.787 đồng và chiếm tỷ lệ 1,96% trong tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là nguồn vốn kinh doanh chiếm 1,08% và các quỹ của Công ty chiếm 0,49%. Khác với năm 2007, năm 2008 Công ty có thêm phần lợi nhuận chưa phân phối chiếm 0,39%.

Nợ phải trả giảm xuống còn 3.818.971.372.333 đồng chiếm 98,04% so với tổng nguồn vốn. Trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn chiếm 65,12%.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

→ So sánh giữa 2 năm 2007 và 2008:

+ Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2008 tăng lên so với năm 2007 một khoản là 14.281.450.099 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 22,95% là do nguồn vốn kinh doanh của Công ty tăng 100.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 0,09% và lợi nhuận chưa phân phối tăng một khoản là 15.305.501.544 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 0,39%.

+ Cùng với sự tăng lên của nguồn vốn chủ sở hữu là sự giảm đi của nợ phải trả. Nợ phải trả của Công ty năm 2008 giảm đi một khoản là 349.272.582.536 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 8,38% do nợ ngắn hạn giảm đi 456.019.011.594 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 15,24%.

Nguồn vốn chủ sở hữu của công ty năm 2008 tăng lên so với năm 2007 là một dấu hiệu tốt cho thấy khả năng tự chủ về tài chính của Công ty ngày càng tăng lên. Tuy nhiên tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn của Công ty còn rất thấp, Công ty cần có những biện pháp để tăng được vốn tự có cho mình, đảm bảo việc vay vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh không gặp nhiều khó khăn.

Cơ cấu nguồn vốn của Công ty chưa hợp lý, nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn. Điều này làm cho Công ty gặp không ít những khó khăn trong việc trả nợ và phải chịu mức lãi suất cao....

2.1.2- Phân tích cân đối giữa tài sản và nguồn vốn.

Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn của Công ty cho ta cái nhìn tổng quát về sự phát triển lâu dài của Công ty, về mối quan hệ và tình hình biến động của cơ chế tài chính xem nó mạnh hay yếu đồng thời để đánh giá khả năng tự tài trợ về mặt tài chính của Công ty cũng như mức độ tự chủ, chủ động trong kinh doanh hay những khó khăn mà Công ty phải đương đầu.

BẢNG 2.3: MỐI QUAN HỆ GIỮA TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn			Nợ ngắn hạn
Năm 2007	3.801.024.499.325	>	2.992.580.965.951
Năm 2008	2.404.599.671.524	<	2.536.561.954.357
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn			Nợ dài hạn + Vốn chủ sở hữu
Năm 2007	1.149.458.263.232	<	1.237.901.796.606
Năm 2008	1.490.891.958.596	>	1.358.929.675.763

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007 – 2008)

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Với cơ cấu tài sản - nguồn vốn hiện nay của Công ty:

+ Tài sản lưu động năm 2007 > nợ ngắn hạn, sang năm 2008 tài sản lưu động < nợ ngắn hạn. Điều này cho thấy năm 2008 Công ty không sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu để đầu tư vào tài sản lưu động mà hoàn toàn là sử dụng vốn vay, lợi nhuận cao nhưng Công ty sẽ phải đối đầu với nhiều rủi ro trong tương lai.

+ Tài sản cố định năm 2007 < nguồn vốn chủ sở hữu, sang năm 2008 tài sản cố định > nguồn vốn chủ sở hữu. Điều này thể hiện rằng năm 2008 một phần tài sản cố định của Công ty được tài trợ bởi nguồn vốn chủ sở hữu, an toàn nhưng chi phí cao.

2.1.3- Phân tích khái quát tình hình tài chính của Công ty thông qua bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

BẢNG 2.4: BẢNG PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	2007	2008	Chênh lệch	
				±	%
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	1.837.168.215.981	2.145.020.920.171	307.852.704.190	16,76
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.476.066.621	109.380.216	-1.366.686.405	-92,59
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.835.692.149.360	2.144.911.539.955	309.219.390.595	16,84
4	Giá vốn hàng bán	1.588.170.748.051	1.861.036.264.866	272.865.516.815	17,18
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	247.521.401.309	283.875.275.089	36.353.855.780	14,69
6	Doanh thu hoạt động tài chính	7.456.767.163	40.627.016.256	33.170.249.093	444,83
7	Chi phí tài chính	233.236.263.998	258.822.343.183	25.586.079.185	10,79
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>225.779.496.835</i>	<i>231.289.330.676</i>	<i>5.509.833.841</i>	<i>2,38</i>
8	Chi phí bán hàng	-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.575.368.961	45.889.775.109	8.314.406.148	22,13
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(15.833.464.487)	19.790.173.053	35.623.637.540	-224,99
11	Thu nhập khác	21.879.278.525	21.047.451.544	-831.826.981	-3,80
12	Chi phí khác	429.962.191	19.895.966.005	19.466.003.814	4.527,38
13	Lợi nhuận khác	21.449.316.334	1.151.485.539	-20.297.830.795	-94,63
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.615.851.847	20.941.658.592	15.325.806.567	272,90
15	Chi phí thuế TNDN phải nộp	-	5.072.488.414	5.072.488.414	-
16	Lợi nhuận sau thuế	5.615.851.847	15.869.170.178	10.253.318.331	182,58

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007 – 2008)

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Nhìn vào bảng phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua 2 năm 2007 và 2008 ta thấy được những chuyển biến cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần năm 2008 tăng lên so với năm 2007 một khoản là 307.852.704.190 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 16,84%. Sự tăng lên này là do trong năm 2008 Công ty bán được một số con tàu, thu được tiền từ các chủ tàu và tiền từ các hợp đồng sản xuất các thiết bị nâng hạ, xây lắp...

- Giá vốn hàng bán cũng tăng lên một khoản là 272.865.516.815 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 17,18%. Nguyên nhân chính làm cho tỷ lệ này tăng lên là do trong năm công ty kinh doanh mua bán một số sản phẩm, trang thiết bị hàng hải... Tuy nhiên sự tăng lên này không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi mức tăng của giá vốn nhỏ hơn mức tăng của doanh thu thuần nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn rất khả quan.

- Các khoản chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty đều tăng trong đó chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh nhất là 22,13%, trong khi đó khoản lợi nhuận khác lại giảm đi 20.297.830.795 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 94,63%.

- Cùng với sự tăng lên của lợi nhuận năm 2008 kéo theo các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước tăng lên 5.072.488.414 đồng. Năm 2007, Công ty không có các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng lên một cách đáng kể so với năm 2007 là 10.253.318.331 đồng tương đương với tỷ lệ tăng là 182,58%. Đây là kết quả phản ánh sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển của Công ty trong tương lai.

2.2- Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng của Công ty.

2.2.1- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

❖ *Chỉ số khả năng thanh toán tổng quát:*

$$\text{Khả năng thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Hệ số này thể hiện mối quan hệ giữa tổng tài sản và tổng nợ của công ty, phản ánh một đồng nợ phải trả được đảm bảo bằng bao nhiêu đồng tài sản, đồng thời cho ta thấy rõ hơn khả năng thanh toán của Công ty với các khoản nợ và cho thấy rằng việc huy động vốn của Công ty có tài sản đảm bảo hay không.

Bảng 2.5: Bảng tỷ số khả năng thanh toán tổng quát

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Tổng tài sản	4.230.482.762.557	3.895.491.630.120	- 334.991.132.437
Nợ phải trả	4.168.243.954.869	3.818.971.372.333	- 349.272.582.536
Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,01	1,02	0,01

Hệ số thanh toán tổng quát của Công ty nhìn chung là tốt, chứng tỏ tất cả các khoản huy động bên ngoài đều có tài sản đảm bảo. Năm 2007, Công ty cứ đi vay 1 đồng thì có 1,01 đồng tài sản đảm bảo còn năm 2008 cứ đi vay 1 đồng thì có 1,02 đồng tài sản đảm bảo. Điều này nói lên sự tin tưởng hơn của các ngân hàng, của các nhà cho vay...đối với Công ty. Hệ số này ở năm 2008 cao hơn năm 2007 chứng tỏ tốc độ tăng của tổng tài sản nhanh hơn tốc độ tăng của tổng nợ. Hệ số năm 2008 cao hơn năm 2007 là do năm 2008 khoản huy động từ bên ngoài (nợ phải trả) của Công ty giảm đi là:

$$4.168.243.954.869 - 3.818.971.372.333 = 3.818.971.372.333 \text{ đồng.}$$

Lý do của sự giảm đi này là do trong năm nợ ngắn hạn giảm đi một khoản là:

$$2.992.580.965.951 - 2.536.561.954.357 = 456.019.011.594 \text{ đồng}$$

Tổng tài sản cũng giảm:

$$4.230.482.762.557 - 3.895.491.630.120 = 334.991.132.437 \text{ đồng.}$$

Khả năng thanh toán tổng quát tăng lên là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Tổng tài sản giảm đi làm cho khả năng thanh toán tổng quát giảm đi:

$$\begin{array}{r} 3.895.491.630.120 \\ \hline 4.168.243.954.869 \end{array} - \begin{array}{r} 4.230.482.762.557 \\ \hline 4.168.243.954.869 \end{array} = - 0,08$$

+ Nợ phải trả giảm đi làm cho khả năng thanh toán tổng quát tăng lên:

$$\begin{array}{r} 3.895.491.630.120 \\ \hline 3.818.971.372.333 \end{array} - \begin{array}{r} 3.895.491.630.120 \\ \hline 4.168.243.954.869 \end{array} = 0,09$$

$$\text{Tổng hợp lại ta có: } (0,08) + 0,09 = 0,01$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

❖ *Chỉ số khả năng thanh toán nhanh:*

$$\text{Khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{TSLĐ và ĐTNH} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số này cho thấy cứ một đồng trong tổng nợ ngắn hạn được đảm bảo bằng bao nhiêu đồng tiền và các khoản tương đương tiền, và cho thấy rõ hơn về khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty.

Bảng 2.6: Bảng tỷ số khả năng thanh toán nhanh

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
TSLĐ & ĐTNH	3.801.024.499.325	2.404.599.671.524	-1.396.424.827.801
Hàng tồn kho	829.585.027.284	895.488.365.615	65.903.338.331
TSLĐ&ĐTNH – HTK	2.971.439.472.041	1.509.111.305.909	-1.462.328.166.132
Tổng nợ ngắn hạn	2.992.580.965.951	2.536.561.954.357	-456.019.011.594
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,99	0,59	-0,4

Hệ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty năm 2008 thấp hơn năm 2007. Thực tế năm 2008 một đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo thấp hơn so với năm 2007. Đây là tín hiệu xấu trong trường hợp Công ty sẵn sàng phải thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Nguyên nhân làm cho khả năng thanh toán nhanh giảm đi là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ TSLĐ & ĐTNH – HTK giảm đi làm cho khả năng thanh toán nhanh giảm:

$$\frac{1.509.111.305.909}{2.992.580.965.951} - \frac{2.971.439.472.041}{2.992.580.965.951} = -0,49$$

+ Tổng nợ ngắn hạn giảm đi làm cho khả năng thanh toán nhanh giảm:

$$\frac{1.509.111.305.909}{2.536.561.954.357} - \frac{1.509.111.305.909}{2.992.580.965.951} = 0,09$$

Tổng hợp lại ta có: (0,49) + 0,09 = (0,4)

❖ *Chỉ số khả năng thanh toán hiện thời (nợ ngắn hạn)*

$$\text{Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{TSLĐ và ĐTNH}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Bảng 2.7: Bảng tỷ số khả năng thanh toán hiện thời

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
TSLĐ & ĐTNH	3.801.024.499.325	2.404.599.671.524	-1.396.424.827.801
Tổng nợ ngắn hạn	2.992.580.965.951	2.536.561.954.357	-456.019.011.594
Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	1,27	0,95	- 0,32

Nhìn vào bảng tỷ số khả năng thanh toán hiện thời ta thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn giảm đi là do ảnh hưởng của 2 nhân tố:

+ TSLĐ & ĐTNH giảm đi làm cho khả năng thanh toán nợ ngắn hạn giảm đi:

$$\frac{2.404.599.671.524}{2.992.580.965.951} - \frac{3.801.024.499.325}{2.992.580.965.951} = -0,46$$

+ Tổng nợ ngắn hạn giảm đi làm cho khả năng thanh toán hiện thời giảm đi:

$$\frac{2.404.599.671.524}{2.536.561.954.357} - \frac{2.404.599.671.524}{2.992.580.965.951} = 0,14$$

Tổng hợp lại ta có: $(0,46) + 0,14 = (0,32)$

❖ *Khả năng thanh toán tức thời:*

$$\text{Khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{Vốn bằng tiền}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Bảng 2.8: Bảng tỷ số khả năng thanh toán tức thời

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Vốn bằng tiền	26.486.999.667	145.128.047.665	118.641.047.998
Tổng nợ ngắn hạn	2.992.580.965.951	2.536.561.954.357	-456.019.011.594
Khả năng thanh toán tức thời (lần)	0,01	0,06	0,05

Khả năng thanh toán tức thời tăng lên, nguyên nhân của sự tăng lên này là do ảnh hưởng của:

+ Vốn bằng tiền tăng mạnh làm cho khả năng thanh toán tức thời tăng lên:

$$\frac{145.128.047.665}{2.992.580.965.951} - \frac{26.486.999.667}{2.992.580.965.951} = 0,04$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

+ Tổng nợ ngắn hạn giảm đi làm cho khả năng thanh toán tức thời tăng lên:

$$\frac{145.128.047.665}{2.536.561.954.357} - \frac{145.128.047.665}{2.992.580.965.951} = 0,01$$

Tổng hợp lại ta có: $0,04 + 0,01 = 0,05$

❖ *Chỉ số nợ phải trả và nợ phải thu:*

$$\text{Chỉ số công nợ} = \frac{\text{Phần vốn đi chiếm dụng}}{\text{Phần vốn bị chiếm dụng}}$$

Bảng 2.9: Bảng chỉ số công nợ

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Phần vốn đi chiếm dụng	1.173.915.693.527	623.248.811.562	- 550.666.881.965
Phần vốn bị chiếm dụng	2.132.119.322.103	1.344.688.218.823	- 787.431.103.280
Chỉ số công nợ	0,55	0,46	- 0,09

Chỉ số công nợ của Công ty còn thấp, chưa hợp lý do Công ty để khách hàng chiếm dụng vốn nhiều trong khi phần vốn đi chiếm dụng của Công ty lại thấp. Công ty cần có biện pháp để thu hồi vốn.

Chỉ số công nợ giảm đi do ảnh hưởng của các nhân tố:

+ Phần vốn đi chiếm dụng giảm đi làm cho chỉ số công nợ giảm:

$$\frac{623.248.811.562}{2.132.119.322.103} - \frac{1.173.915.693.527}{2.132.119.322.103} = - 0,26$$

+ Phần vốn bị chiếm dụng giảm đi làm cho chỉ số công nợ tăng lên:

$$\frac{623.248.811.562}{1.344.688.218.823} - \frac{623.248.811.562}{2.132.119.322.103} = 0,17$$

Tổng hợp lại ta có: $(0,26) + 0,17 = (0,09)$

❖ *Khả năng thanh toán lãi vay:*

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Lãi vay phải trả}}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Bảng 2.10: Bảng khả năng thanh toán lãi vay

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
EBIT	231.395.348.682	252.230.989.090	20.835.640.408
Lãi vay phải trả	225.779.496.835	231.289.330.676	5.509.833.841
Khả năng thanh toán lãi vay (lần)	1,02	1,09	0,07

Khả năng thanh toán lãi vay tăng lên do ảnh hưởng của:

+ EBIT tăng lên làm cho khả năng thanh toán lãi vay tăng lên:

$$\begin{array}{r} 252.230.989.090 \\ \hline 225.779.496.835 \\ \hline \end{array} - \begin{array}{r} 231.395.348.682 \\ \hline 225.779.496.835 \\ \hline \end{array} = 0,09$$

+ Lãi vay phải trả tăng lên làm cho khả năng thanh toán lãi vay giảm đi:

$$\begin{array}{r} 252.230.989.090 \\ \hline 231.289.330.676 \\ \hline \end{array} - \begin{array}{r} 252.230.989.090 \\ \hline 225.779.496.835 \\ \hline \end{array} = - 0,02$$

Tổng hợp lại ta có: $0,09 + (0,02) = 0,07$

BẢNG 2.11: BẢNG TỔNG HỢP NHÓM CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Đvt: lần

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Khả năng thanh toán tổng quát	1,01	1,02	0,01
Khả năng thanh toán nhanh	0,99	0,59	- 0,04
Khả năng thanh toán hiện thời	1,27	0,95	- 0,32
Khả năng thanh toán tức thời	0,01	0,06	0,05
Chỉ số công nợ	0,55	0,46	- 0,09
Khả năng thanh toán lãi vay	1,02	1,09	0,07

→ Theo bảng trên ta thấy các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty còn thấp do nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn. Đặc biệt khả năng thanh toán tức thời của Công ty rất thấp do vốn bằng tiền chiếm tỷ trọng thấp hơn nhiều so với nợ ngắn hạn. Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

2.2.2- Các hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu tài sản

2.2.2.1- Cơ cấu nguồn vốn

❖ *Hệ số nợ:*

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Bảng 2.12: Bảng hệ số nợ

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Nợ phải trả	4.168.243.954.869	3.818.971.372.333	- 349.272.582.536
Tổng nguồn vốn	4.230.482.762.557	3.895.491.630.120	- 334.991.132.437
Hệ số nợ (%)	98,53	98,04	- 0,49

❖ Tỷ suất tự tài trợ:

$$\text{Tỷ suất tự tài trợ} = \frac{\text{Nguồn vốn CSH}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100$$

Bảng 2.13: Bảng tỷ suất tự tài trợ

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Nguồn vốn CSH	62.238.807.688	76.520.257.787	14.281.450.09
Tổng nguồn vốn	4.230.482.762.557	3.895.491.630.120	- 334.991.132.437
Tỷ suất tự tài trợ (%)	1,47	1,96	0,49

Qua hai tỷ số trên ta thấy hệ số mắc nợ của Công ty năm 2007 là 98,53% trong khi tỷ suất tự tài trợ chỉ có 1,47% trong tổng nguồn vốn của Công ty. Điều này cho thấy rằng vốn tự có của Công ty thấp hơn nguồn vốn đi vay, nguồn vốn kinh doanh của Công ty chủ yếu là nguồn vốn vay từ các ngân hàng, các tổ chức tín dụng... Sang năm 2008, tình hình nguồn vốn có sự thay đổi đôi chút, hệ số nợ có giảm đi còn 98,04% trong khi đó tỷ suất tự tài trợ tăng lên 0,49% và chiếm 1,96% trong tổng nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu ngày càng chiếm tỷ trọng cao hơn trong tổng nguồn vốn và giảm được khoản đi vay từ bên ngoài từ 98,53% năm 2007 xuống còn 98,04% năm 2008.

→ Tuy nhiên cơ cấu nguồn vốn chưa hợp lý, nguồn vốn đi vay chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn. Điều này giúp làm tăng khả năng sinh lời của Công ty nhưng bất lợi cho công ty khi không thể độc lập trong vấn đề tài chính, phải phụ thuộc vào các tổ chức tín dụng và phải chịu mức lãi suất cao.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

- Nguyên nhân làm cho chỉ số nợ giảm xuống là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Nợ phải trả giảm làm cho chỉ số nợ giảm:

$$\frac{3.818.971.372.333}{4.230.482.762.557} \times 100 - \frac{4.168.243.954.869}{4.230.482.762.557} \times 100 = - 8,25$$

+ Tổng nguồn vốn giảm làm cho chỉ số nợ giảm:

$$\frac{3.818.971.372.333}{3.895.491.630.120} \times 100 - \frac{3.818.971.372.333}{4.230.482.762.557} \times 100 = 7,76$$

Tổng hợp lại ta có: $(8,25) + 7,76 = (0,49)$

- Tỷ suất tự tài trợ tăng lên là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên làm cho tỷ suất tự tài trợ tăng lên:

$$\frac{76.520.257.787}{4.230.482.762.557} \times 100 - \frac{62.238.807.688}{4.230.482.762.557} \times 100 = 0,34$$

+ Tổng nguồn vốn giảm đi làm cho tỷ suất tự tài trợ tăng lên:

$$\frac{76.520.257.787}{3.895.491.630.120} \times 100 - \frac{76.520.257.787}{4.230.482.762.557} \times 100 = 0,15$$

Tổng hợp lại ta có: $0,34 + 0,15 = 0,49$

2.2.2.2- Cơ cấu tài sản

Cơ cấu tài sản của Công ty thể hiện ở 2 chỉ tiêu sau:

❖ *Tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn:*

$$\text{Tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn} = \frac{\text{Trị giá TSCĐ \& ĐTDH}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

Bảng 2.14: Bảng tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Trị giá TSCĐ & ĐTDH	1.149.458.263.232	1.490.891.958.596	341.406.695.364
Tổng tài sản	4.230.482.762.557	3.895.491.630.120	- 334.991.132.437
Tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn (%)	27,17	38,27	11,10

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đông tàu Hạ Long.

Tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn tăng lên là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Tài sản cố định và đầu tư dài hạn tăng lên làm cho tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn tăng lên:

$$\frac{1.490.891.958.596}{4.230.482.762.557} \times 100 - \frac{1.149.458.263.232}{4.230.482.762.557} \times 100 = 8,07$$

+ Tổng tài sản giảm xuống làm cho tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn tăng lên:

$$\frac{1.490.891.958.596}{3.895.491.630.120} \times 100 - \frac{1.490.891.958.596}{4.230.482.762.557} \times 100 = 3,03$$

Tổng hợp lại ta có: $8,07 + 3,03 = 11,10$

❖ *Tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn:*

$$\text{Tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{Trị giá TSLĐ \& ĐTNH}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

Bảng 2.15: Bảng tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Trị giá TSLĐ & ĐTNH	3.081.024.499.325	2.404.599.671.524	-1.396.424.827.801
Tổng tài sản	4.230.482.762.557	3.895.491.630.120	- 334.991.132.437
Tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn (%)	72,83	61,73	- 11,10

Tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn của Công ty giảm đi là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn giảm đi làm cho tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn giảm đi:

$$\frac{2.404.599.671.524}{4.230.482.762.557} \times 100 - \frac{3.081.024.499.325}{4.230.482.762.557} \times 100 = - 15,99$$

+ Tổng tài sản giảm đi làm cho tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn giảm đi:

$$\frac{2.404.599.671.524}{3.895.491.630.120} \times 100 - \frac{2.404.599.671.524}{4.230.482.762.557} \times 100 = 4,89$$

Tổng hợp lại ta có: $(15,99) + 4,89 = (11,10)$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

BẢNG 2.16: BẢNG CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Tỷ suất TSCĐ trên tổng tài sản	27,17%	38,27%	11,10%
Tỷ suất TSLĐ trên tổng tài sản	72,83%	61,73%	- 11,10%
Hệ số nợ	98,53%	98,04%	- 0,49%
Tỷ suất tự tài trợ	1,47%	1,96%	0,49%

→ Cơ cấu tài sản của Công ty chưa hợp lý:

- Năm 2008 tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, hiệu quả sử dụng tài sản thấp.

- Tỷ suất tự tài trợ thấp chứng tỏ Công ty có ít vốn tự có, tính độc lập về mặt tài chính không cao nhưng khả năng sinh lời sẽ tăng.

Bảng 2.17: Bảng tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng tới các chỉ số phản ánh cơ cấu tài sản và nguồn vốn.

Chỉ tiêu	Tỷ suất đầu tư TSDH	Tỷ suất đầu tư TSNH	Chỉ số nợ	Tỷ suất tự tài trợ
TSCĐ&ĐTDH	8,07			
TSLĐ&ĐTNH		- 15,99		
Tổng tài sản	3,03	4,89		
Nợ phải trả			- 8,25	
Nguồn vốn CSH				0,34
Tổng nguồn vốn			7,76	0,15
Tổng cộng	11,10	- 11,10	- 0,49	0,49

2.2.3- Các chỉ số về hoạt động

Bảng 2.18: Vòng quay hàng tồn kho

Dvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
1	Giá vốn hàng bán	1.588.170.748.051	1.861.036.264.866	272.865.516.815
2	Hàng tồn kho đầu năm	253.932.010.475	829.585.027.284	575.653.016.809
3	Hàng tồn kho cuối năm	829.585.027.284	895.488.365.615	65.903.338.331
4	Hàng tồn kho bình quân	541.758.518.880	862.536.696.450	320.778.177.571
5	Vòng quay hàng tồn kho (vòng) = 1/4	2,93	2,16	- 0,77
6	Kỳ luân chuyển hàng tồn kho (ngày) = 360/5	123	167	44

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Vòng quay hàng tồn kho năm 2008 thấp hơn năm 2007 làm cho số ngày một vòng quay hàng tồn kho năm 2008 cao hơn năm 2007 là 44 ngày, chứng tỏ Công ty đã ít đầu tư vào hàng tồn kho hơn.

Nguyên nhân làm cho vòng quay hàng tồn kho giảm là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Giá vốn hàng bán tăng làm cho vòng quay hàng tồn kho tăng lên:

$$\frac{1.861.036.264.866}{541.758.518.880} - \frac{1.588.170.748.051}{541.758.518.880} = 0,5$$

+ Hàng tồn kho tăng làm cho vòng quay hàng tồn kho giảm :

$$\frac{1.861.036.264.866}{862.536.696.450} - \frac{1.861.036.264.866}{541.758.518.880} = - 1,27$$

Tổng hợp lại ta có: $0,5 + (1,27) = (0,77)$

Bảng 2.19: Vòng quay khoản phải thu

Dvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
1	Doanh thu thuần	1.835.692.149.360	2.144.911.539.955	309.219.390.595
2	Khoản phải thu đầu năm	1.522.671.954.514	2.132.119.322.103	609.357.367.589
3	Khoản phải thu cuối năm	2.132.119.322.103	1.344.688.218.823	- 786.431.103.280
4	Khoản phải thu bình quân	1.827.440.638.309	1.773.403.770.463	- 54.036.867.846
5	Vòng quay khoản phải thu (vòng) = 1/4	1,004	1,209	0,205
6	Kỳ thu tiền bình quân (ngày) = 360/5	359	298	- 61

Ta thấy vòng quay khoản phải thu năm 2008 tăng thêm 0,205 vòng so với năm 2007, do đó trong năm 2008 trung bình 298 ngày công ty thu hồi được các khoản phải thu. Đây là điều quan trọng mà công ty cần phát huy trong những năm tiếp theo để giảm bớt thời gian thu hồi vốn.

Vòng quay khoản phải thu thay đổi là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Doanh thu thuần tăng làm cho vòng quay khoản phải thu tăng:

$$\frac{2.144.911.539.955}{1.827.440.638.309} - \frac{1.835.692.149.360}{1.827.440.638.309} = 0,169$$

+ Khoản phải thu giảm làm cho vòng quay khoản phải thu tăng:

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

$$\frac{2.144.911.539.955}{1.773.403.770.463} - \frac{2.144.911.539.955}{1.827.440.638.309} = 0,036$$

Tổng hợp lại ta có: $0,196 + 0,036 = 0,205$

Bảng 2.20: Vòng quay vốn lưu động

Dvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
1	Doanh thu thuần	1.835.692.149.360	2.144.911.539.955	309.219.390.595
2	Vốn lưu động đầu năm	2.351.429.229.607	3.801.024.499.325	1.449.595.269.718
3	Vốn lưu động cuối năm	3.801.024.499.325	2.404.599.671.524	1.396.424.827.800
4	Vốn lưu động bình quân	3.076.226.864.466	3.102.812.085.425	26.585.220.959
5	Vòng quay vốn lưu động (vòng) = 1/4	0,60	0,69	0,09
6	Kỳ luân chuyển vốn lưu động (ngày) = 360/5	600	522	- 78

Nhìn vào bảng ta thấy, vốn lưu động qua 2 năm tăng mạnh nhưng đến cuối năm 2008 thì giảm xuống kéo theo vòng quay vốn lưu động năm 2008 tăng so với năm 2007 là 0,09 vòng, kéo theo kỳ luân chuyển vốn giảm xuống còn 522 ngày (giảm 78 ngày). Nhưng kỳ luân chuyển vốn còn rất lớn, khả năng hoạt động của vốn lưu động còn kém.

Vòng quay vốn lưu động thay đổi là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Doanh thu thuần tăng làm cho vòng quay vốn lưu động tăng lên:

$$\frac{2.144.911.539.955}{3.076.226.864.466} - \frac{1.835.692.149.360}{3.076.226.864.466} = 0,10$$

+ Tài sản lưu động tăng làm cho vòng quay vốn lưu động giảm:

$$\frac{2.144.911.539.955}{3.102.812.085.425} - \frac{2.144.911.539.955}{3.076.226.864.466} = - 0,01$$

Tổng hợp lại ta có: $0,10 + (-0,01) = 0,09$

❖ *Hiệu suất sử dụng vốn cố định:*

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn cố định} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn cố định bình quân}} \times 100$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Bảng 2.21: Hiệu suất sử dụng vốn cố định

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Doanh thu thuần	1.835.692.149.360	2.144.911.539.955	309.219.390.595
Vốn cố định đầu năm	733.412.664.820	1.149.458.263.232	416.045.598.412
Vốn cố định cuối năm	1.149.458.263.232	1.490.891.958.596	341.433.695.364
Vốn cố định bình quân	941.435.464.026	1.320.175.110.914	378.739.646.888
Hiệu suất sử dụng vốn cố định	195	162	- 33

Ta nhận thấy hiệu suất sử dụng vốn cố định giảm là do ảnh hưởng của 2 nhân tố:

+ Doanh thu thuần tăng làm cho hiệu suất sử dụng vốn cố định tăng:

$$\frac{2.144.911.539.955}{941.435.464.026} \times 100 - \frac{1.835.692.149.360}{941.435.464.026} \times 100 = 32 \%$$

+ Tài sản cố định tăng làm cho hiệu suất sử dụng vốn cố định giảm:

$$\frac{2.144.911.539.955}{1.320.175.110.914} \times 100 - \frac{2.144.911.539.955}{941.435.464.026} \times 100 = - 65 \%$$

Tổng hợp lại ta có: 32 + (65) = (33)

❖ *Vòng quay vốn kinh doanh:*

$$\text{Vòng quay vốn kinh doanh} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn kinh doanh}} \quad (\text{vòng})$$

Bảng 2.22: Vòng quay vốn kinh doanh

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Doanh thu thuần	1.835.692.149.360	2.144.911.539.955	309.219.390.595
Vốn kinh doanh	4.230.482.762.557	3.895.491.630.120	-334.991.132.437
Vòng quay vốn kinh doanh(vòng)	0,43	0,55	0,12

Vòng quay vốn kinh doanh tăng lên cụ thể năm 2007 là 0,43 vòng sang năm 2008 là 0,55 vòng tăng 0,12 vòng. Điều này chứng tỏ việc sử dụng nguồn vốn kinh doanh hàng năm đã tăng lên.

❖ *Vòng quay tổng tài sản*

$$\text{Vòng quay tổng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \quad (\text{vòng})$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Bảng 2.23: Vòng quay tổng tài sản

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Doanh thu thuần	1.835.692.149.360	2.144.911.539.955	309.219.390.595
Tổng tài sản đầu năm	3.084.841.894.427	4.230.482.762.557	1.145.640.868.130
Tổng tài sản cuối năm	4.230.482.762.557	3.895.491.630.120	- 334.991.132.437
Tổng tài sản bình quân	3.657.662.328.492	4.062.987.196.339	405.324.867.847
Vòng quay tổng tài sản(vòng)	0,50	0,53	0,03

Vòng quay tổng tài sản đánh giá tổng hợp khả năng quản lý tài sản cố định và tài sản lưu động của Công ty. Qua tính toán ta thấy vòng quay tổng tài sản năm 2008 tăng so với năm 2007. Một đồng tài sản năm 2007 góp phần tạo ra 0,50 đồng doanh thu còn năm 2008 tạo ra 0,53 đồng doanh thu. Chỉ số này thể hiện hiệu quả hoạt động của tài sản còn rất thấp.

Ta thấy vòng quay tổng tài sản tăng lên là do ảnh hưởng của 2 nhân tố sau:

+ Doanh thu thuần tăng lên làm cho vòng quay tổng tài sản tăng lên:

$$\frac{2.144.911.539.955}{3.657.662.328.492} - \frac{1.835.692.149.360}{3.657.662.328.492} = 0,08$$

+ Tổng tài sản tăng lên làm cho vòng quay tổng tài sản giảm đi:

$$\frac{2.144.911.539.955}{4.062.987.196.339} - \frac{2.144.911.539.955}{3.657.662.328.492} = - 0,05$$

Tổng hợp lại ta có: $0,08 + (-0,05) = 0,03$

BẢNG 2.23: BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM 2007 - 2008

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Vòng quay hàng tồn kho	2,93 vòng	2,16 vòng	-0,77 vòng
Số ngày một vòng quay hàng tồn kho	123 ngày	167 ngày	44 ngày
Vòng quay khoản phải thu	1,004 vòng	1,209 vòng	0,205 vòng
Kỳ thu tiền bình quân	359 ngày	298 ngày	- 61 ngày
Vòng quay tài sản lưu động	0,60 vòng	0,69 vòng	0,09 vòng
Số ngày một vòng quay tài sản lưu động	600 ngày	522 ngày	- 78 ngày
Hiệu suất sử dụng vốn cố định	195 %	162 %	- 33 %
Vòng quay vốn kinh doanh	0,43 vòng	0,55 vòng	0,12 vòng
Vòng quay tổng tài sản	0,50 vòng	0,53 vòng	0,03 vòng

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đông tàu Hạ Long.

Nhìn chung các chỉ số vòng quay đều tăng lên, riêng chỉ có chỉ số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản cố định là giảm đi.

+ Vòng quay hàng tồn kho giảm đi làm cho số ngày một vòng quay hàng tồn kho tăng lên 44 ngày.

+ Vòng quay các khoản phải thu tăng làm cho kỳ thu tiền bình quân giảm 61 ngày.

+ Vòng quay tài sản lưu động tăng lên làm cho kỳ luân chuyển tài sản lưu động giảm được 78 ngày.

+ Tài sản cố định giảm xuống nhưng tài sản lưu động lại tăng lên làm cho vòng quay tổng tài sản cũng tăng lên.

Bảng 2.24: Bảng tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng tới chỉ số hoạt động

Chỉ tiêu	Vq HTK	Vq KPT	Vq TSLĐ	Vq TSCĐ	Vq TTS
Giá vốn hàng bán	0,50				
Doanh thu thuần		0,169	0,10	0,32	0,08
Hàng tồn kho	- 1,27				
Khoản phải thu		0,036			
TSLĐ			- 0,01		
TSCĐ				- 0,65	
Tổng tài sản					- 0,03
Tổng cộng	- 0,77	0,205	0,09	- 0,33	0,05

Nhận xét:

- Doanh thu thuần tăng lên là nhân tố chủ yếu làm tăng các chỉ số vòng quay.
- Hàng tồn kho và tài sản cố định tăng lên là nguyên nhân chính làm cho vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản cố định giảm đi.

- Có thể tăng vòng quay khoản phải thu lên nếu Công ty có biện pháp quản lý tốt các khoản phải thu.

2.2.4- Nhóm các chỉ tiêu sinh lời

❖ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Bảng 2.25: Bảng tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	5.615.851.847	20.941.658.592	15.325.806.745
Lợi nhuận sau thuế	5.615.851.847	15.869.170.178	10.253.318.331
Doanh thu thuần	1.835.692.149.360	2.144.911.539.955	309.219.390.595
ROS(%)	0,306	0,739	0,433

Năm 2007 thì cứ một đồng doanh thu đều mang lại cho Công ty 0,00306 đồng lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế nhưng đến năm 2008 thì chỉ số này tăng lên, một đồng doanh thu thuần sẽ mang lại cho Công ty 0,00976 đồng lợi nhuận trước thuế và 0,00739 đồng lợi nhuận thuần. Điều này chứng tỏ trong năm 2008 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mang lại hiệu quả cao. Nguyên nhân làm cho tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thay đổi là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Lợi nhuận trước thuế tăng lên làm cho tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu tăng lên:

$$\frac{20.941.658.592}{1.835.692.149.360} \times 100 - \frac{5.615.851.847}{1.835.692.149.360} \times 100 = 0,834$$

+ Doanh thu thuần tăng lên làm cho tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu giảm đi:

$$\frac{20.941.658.592}{2.144.911.539.955} \times 100 - \frac{20.941.658.592}{1.835.692.149.360} \times 100 = -0,164$$

Tổng hợp lại ta có: $0,834 + (-0,164) = 0,670$

Nguyên nhân làm cho ROS thay đổi là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Lợi nhuận sau thuế tăng lên làm cho ROS tăng lên:

$$\frac{15.869.170.178}{1.835.692.149.360} \times 100 - \frac{5.615.851.847}{1.835.692.149.360} \times 100 = 0,558 \%$$

+ Doanh thu thuần tăng lên làm cho ROS giảm đi:

$$\frac{15.869.170.178}{2.144.911.539.955} \times 100 - \frac{15.869.170.178}{1.835.692.149.360} \times 100 = -0,125\%$$

Tổng hợp lại ta có: $0,558 + (-0,125) = 0,433$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

❖ *Tỷ suất thu hồi tài sản:*

$$\text{Tỷ suất thu hồi tài sản (ROA)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

Bảng 2.26: Bảng tỷ suất thu hồi tài sản(ROA)

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế	5.615.851.847	15.869.170.178	10.253.318.331
Tổng tài sản	4.230.482.762.557	3.895.491.630.120	- 334.991.132.437
ROA(%)	0,133	0,407	0,274

Qua bảng phân tích trên ta nhận thấy tỷ suất thu hồi tài sản năm 2008 tăng lên so với năm 2007. Cụ thể là năm 2007 cứ 100 đồng vốn kinh doanh tạo ra 0,133 đồng lời cho chủ sở hữu nhưng năm 2008 thì cứ 100 đồng vốn kinh doanh mang lại cho chủ sở hữu 0,407 đồng lời.

Nguyên nhân làm cho ROA thay đổi là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Lợi nhuận sau thuế tăng lên làm cho ROA tăng:

$$\frac{15.869.170.178}{4.230.482.762.557} \times 100 - \frac{5.615.851.847}{4.230.482.762.557} \times 100 = 0,242\%$$

+ Tổng tài sản giảm xuống làm cho ROA tăng lên:

$$\frac{15.869.170.178}{3.895.491.630.120} \times 100 - \frac{15.869.170.178}{4.230.482.762.557} \times 100 = 0,032\%$$

Tổng hợp lại ta có: $0,242 + 0,032 = 0,274$

❖ *Tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu:*

$$\text{Tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu (ROE)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}} \times 100$$

Bảng 2.27: Bảng doanh lợi vốn chủ sở hữu

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế	5.615.851.847	15.869.170.178	10.253.318.331
Nguồn vốn chủ sở hữu	62.238.807.688	76.520.257.787	14.281.450.099
ROE(%)	9,023	20,738	11,715

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Nguyên nhân làm cho ROE thay đổi là do ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Lợi nhuận sau thuế tăng lên làm cho ROE tăng:

$$\frac{15.869.170.178}{62.238.807.688} \times 100 - \frac{5.615.851.847}{62.238.807.688} \times 100 = 16,474 \%$$

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên làm cho ROE giảm đi:

$$\frac{15.869.170.178}{76.520.257.787} \times 100 - \frac{15.869.170.178}{62.238.807.688} \times 100 = - 4,759 \%$$

Tổng hợp lại ta có: $16,474 + (-4,759) = 11,715$

Qua bảng trên cho thấy khả năng sinh lời vốn chủ sở hữu năm 2008 tăng lên so với năm 2007 rất nhiều. Năm 2007 cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu cho sinh lời là 9,023 đồng, năm 2008 sinh lời là 20,738 đồng. Tuy nhiên tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu của Công ty còn thấp, Công ty cần cố gắng nâng cao tỷ suất này trong những năm tới.

BẢNG 2.28: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU SINH LỜI NĂM 2007 – 2008

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
ROS (%)	0,306	0,739	0,433
ROA (%)	0,133	0,407	0,274
ROE (%)	9,023	20,738	11,715

Bảng 2.29: Bảng tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng tới chỉ tiêu sinh lời

Chỉ tiêu	ROS	ROA	ROE
Lợi nhuận sau thuế	0,558	0,242	16,474
Doanh thu thuần	- 0,125		
Nguồn vốn CSH			- 4,759
Tổng tài sản		0,032	
Tổng cộng	0,433	0,274	11,715

Nhận xét:

- Qua bảng trên ta thấy tất cả các chỉ tiêu sinh lời năm 2008 đều tăng lên so với năm 2007. Nguyên nhân chủ yếu là do năm 2008 lợi nhuận sau thuế tăng lên đáng kể (182,25%).

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

- Đặc biệt, tổng tài sản giảm do tài sản lưu động giảm kết hợp với lợi nhuận sau thuế đã làm cho ROA tăng lên đáng kể so với năm 2007.

3- Phân tích Dupont

(a) Đẳng thức Dupont thứ nhất:

Theo phương pháp phân tích Dupont, tỷ suất thu hồi tài sản được phân tích như sau:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ suất thu hồi tài sản} &= \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}} \\ \text{ROA} &= \text{ROS} \times \text{Vòng quay tổng tài sản} \end{aligned}$$

Từ kết quả tính toán trong phần phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng của Công ty ta có bảng sau:

Bảng 2.30: Bảng phân tích đẳng thức Dupont thứ nhất

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
ROS	%	0,306	0,739	0,433
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,50	0,53	0,03
ROA	%	0,133	0,407	0,274

Theo phân tích như trên, tỷ suất thu hồi tài sản phụ thuộc vào hai yếu tố đó là tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và vòng quay tổng tài sản. Qua hai năm hoạt động vòng quay tổng tài sản của Công ty đã tăng lên nhưng còn rất thấp, tăng từ 0,50 năm 2007 lên 0,53 lần năm 2008. Lợi nhuận biên năm 2008 cũng tăng 0,433% so với năm 2007 là do trong năm 2008 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều tăng.

(b) Đẳng thức Dupont thứ hai:

Theo phương pháp phân tích Dupont, tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ suất thu hồi vốn CSH(ROE)} &= \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \\ \text{ROE} &= \text{ROA} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \end{aligned}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Dựa vào nguồn số liệu trong báo cáo tài chính ta có:

Bảng 2.31: Bảng phân tích đẳng thức Dupont thứ hai

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế	5.615.851.847	15.869.170.178	10.253.318.331
Tổng tài sản	4.230.482.762.557	3.895.491.630.120	- 334.991.132.437
Nguồn vốn chủ sở hữu	62.238.807.688	76.520.257.787	14.281.450.099
ROA (%)	0,133	0,407	0,274
ROE (%)	9,023	20,738	11,715

Theo đẳng thức này thì tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu phụ thuộc vào hai giá trị là tỷ suất thu hồi tài sản và tỷ số tổng tài sản/ nguồn vốn chủ sở hữu. Qua tính toán ta thấy, tỷ suất thu hồi tài sản của Công ty năm 2008 tăng lên 0,274%, trong khi đó tỷ số tổng tài sản/nguồn vốn chủ sở hữu lại giảm đi do trong năm 2008 nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng lên là 76.520.257.787 đồng (năm 2007 là 62.238.807.688 đồng) đồng thời tổng tài sản lại giảm đi so với năm 2007 là 334.991.132.437 đồng.

(c) Đẳng thức Dupont tổng hợp:

$$ROE = ROA \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

$$ROE = ROS \times \text{Vòng quay tổng tài sản} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Qua đẳng thức trên, để tìm hiểu nguyên nhân, ảnh hưởng của các nhân tố tới tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2008 so với năm 2007, ta áp dụng phương pháp thay thế liên hoàn.

Lần lượt xét sự ảnh hưởng của các nhân tố tới ROE:

- Nhân tố TTS/VCSH:

$$\Delta ROE_{(1)} = [(TTS/VCSH)_{2008} \times VQ_{TTS_{2007}} \times ROS_{2007}] - ROE_{2007}$$

$$\Delta ROE_{(1)} = [(3.895.491.630.120 / 76.520.257.787) \times 0,50 \times 0,306] - 9,023$$

$$\Delta ROE_{(1)} = 7,788 - 9,023$$

$$\Delta ROE_{(1)} = - 1,235$$

Tỷ trọng của nhân tố TTS/VCSH là:

$$\Delta ROE_{(1)} / \Delta ROE = - 1,235 / 11,715 = - 10,54\%$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Nhân tố TTS/VCSH mang dấu âm (- 10,54%) đã làm giảm tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu của Công ty. Nguyên nhân là do tổng tài sản năm 2008 của Công ty giảm đi, trong khi đó nguồn vốn chủ sở hữu lại tăng lên.

- Nhân tố vòng quay tổng tài sản:

$$\Delta ROE_{(2)} = [(TTS/VCSH)_{2008} \times VQ TTS_{2008} \times ROS_{2007}] - [(TTS/VCSH)_{2007} \times VQ TTS_{2007} \times ROS_{2007}]$$

$$\Delta ROE_{(2)} = [(3.895.491.630.120/76.520.257.787) \times 0,53 \times 0,306] - 7,788$$

$$\Delta ROE_{(2)} = 8,256 - 7,788$$

$$\Delta ROE_{(2)} = 0,468$$

Tỷ trọng của nhân tố vòng quay tổng tài sản là:

$$\Delta ROE_{(2)} / \Delta ROE = 0,468 / 11,715 = 3,99\%$$

- Nhân tố ROS:

$$\Delta ROE_{(3)} = ROE_{2008} - [(TTS/VCSH)_{2008} \times VQ TTS_{2008} \times ROS_{2007}]$$

$$\Delta ROE_{(3)} = 20,738 - 8,256$$

$$\Delta ROE_{(3)} = 12,482$$

Tỷ trọng của nhân tố ROS là:

$$\Delta ROE_{(3)} / \Delta ROE = 12,482 / 11,715 = 106,55\%$$

Theo phân tích như trên thì lợi nhuận biên mang dấu dương(106,55%) đã làm tăng tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tổng hợp : $\Delta ROE = \Delta ROE_{(1)} + \Delta ROE_{(2)} + \Delta ROE_{(3)}$
 $= (1,235) + 0,468 + 12,482 = 11,715$

Kết luận:

Tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu chịu ảnh hưởng của 3 nhân tố với mức ảnh hưởng là:

+ Nhân tố TTS/VCSH: - 1,235%

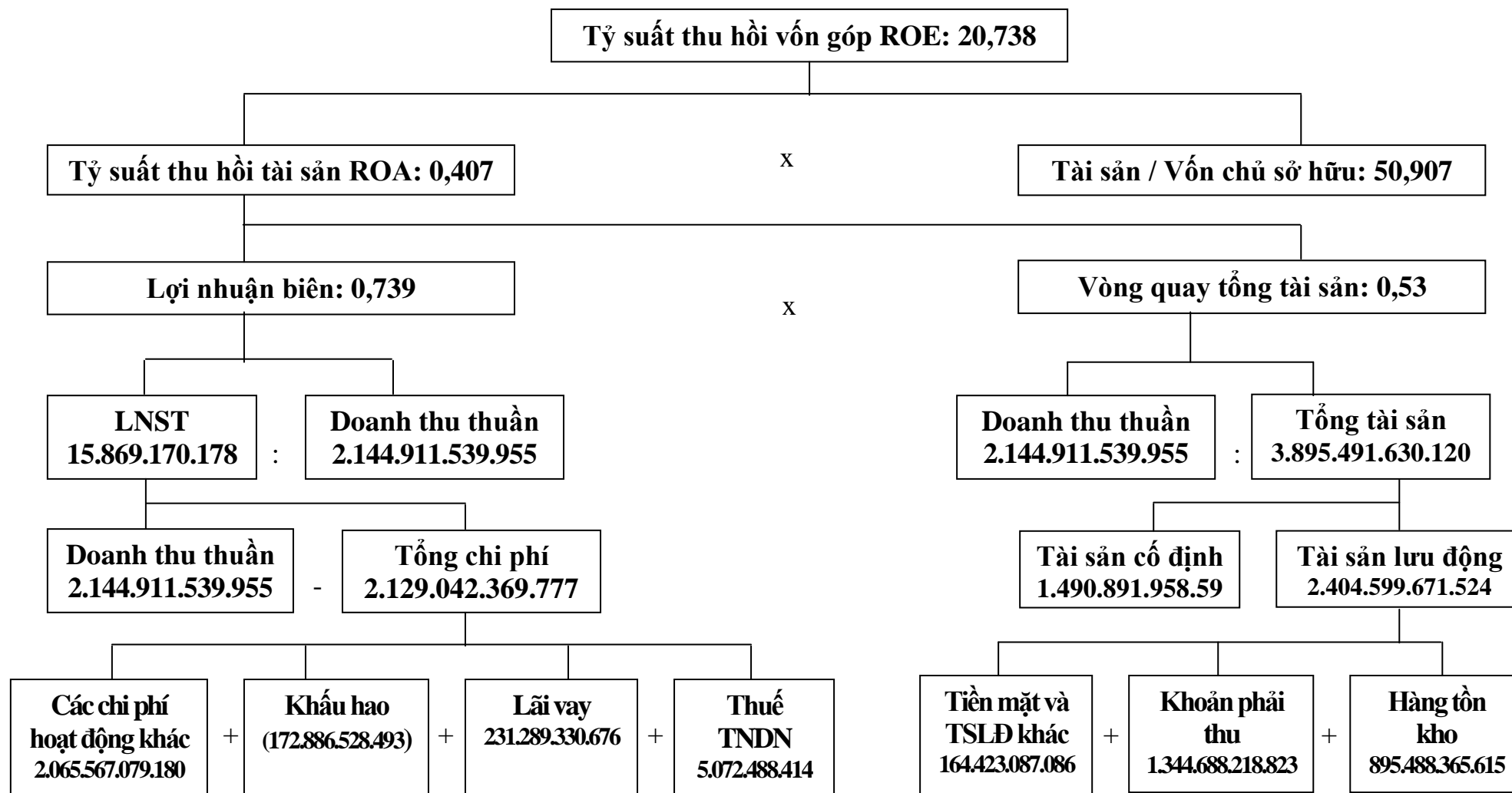
+ Nhân tố VQ TTS : 0,468%

+ Nhân tố ROS : 12,482%

Do sự thay đổi về cơ cấu tài sản và nguồn vốn nên đã làm cho tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu năm 2008 của Công ty giảm đi. Công ty cần bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn một cách hợp lý để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm tới.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

Sơ đồ 3: Sơ đồ phân tích Dupont năm 2008



Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

4- Đánh giá chung tình hình tài chính của Công ty

Có thể nói năm 2008 là năm mà ngành đóng tàu nói chung và Công ty đóng tàu Hạ Long nói riêng gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Đứng trước tình trạng khủng hoảng kinh tế toàn cầu, qua phân tích tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên đóng tàu Hạ Long, tình hình tài chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2007	Năm 2008
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,01	1,02
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,99	0,59
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,27	0,95
- Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,01	0,06
- Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	1,02	1,09
Cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
- Tỷ suất đầu tư TSDH	%	27,17	38,27
- Tỷ suất đầu tư TSNH	%	89,85	61,73
- Chỉ số nợ	%	98,53	98,04
- Tỷ suất tự tài trợ	%	1,47	1,96
Chỉ số hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,93	2,16
- Số ngày một vòng quay hàng tồn kho	Ngày	123	167
- Vòng quay khoản phải thu	Vòng	1,004	1,209
- Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	359	298
- Vòng quay tài sản lưu động	Vòng	0,60	0,69
- Số ngày một vòng quay tài sản lưu động	Ngày	600	522
- Hiệu suất sử dụng vốn cố định cố định	%	195	162
- Vòng quay vốn kinh doanh	Vòng	0,43	0,55
- Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,50	0,53
Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	0,306	0,976
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu(ROS)	%	0,306	0,739
- Tỷ suất thu hồi tài sản(ROA)	%	0,133	0,407
- Tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu(ROE)	%	9,023	20,738

Qua bảng trên ta thấy:

- Về khả năng thanh toán: so với năm 2007 có sự chênh lệch không đáng kể, các hệ số khả năng thanh toán còn thấp. Đặc biệt, hệ số khả năng thanh toán tức thời rất thấp do vốn bằng tiền của Công ty thấp hơn nhiều so với các khoản nợ ngắn hạn.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

- Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn:

+ Chỉ số nợ đã được cải thiện so với năm 2007 song không đáng kể. Hầu hết nguồn vốn của Công ty được đầu tư từ nguồn vay nợ bên ngoài, lợi nhuận tăng nhưng Công ty sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro. Tỷ suất tự tài trợ của Công ty rất thấp do vốn đầu tư của chủ sở hữu thấp, chứng tỏ Công ty không thể tự chủ trong vấn đề tài chính.

+ Công ty cần xem xét lại cơ cấu tài sản. Tài sản lưu động chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản làm cho hiệu quả sử dụng tài sản thấp. Năm 2008 Công ty cũng đã đầu tư vào tài sản cố định nhiều hơn, chứng tỏ Công ty đã quan tâm tới việc chú trọng thay thế các thiết bị đã lạc hậu, đầu tư thêm các trang thiết bị hiện đại, áp dụng khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Về các chỉ số hoạt động: Tất cả các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Công ty đều thấp. Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng không cao và ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về chỉ tiêu sinh lời: Năm 2008 các chỉ tiêu sinh lời của Công ty đều tăng so với năm 2007 chứng tỏ Công ty sử dụng nguồn vốn kinh doanh có hiệu quả nên doanh thu, lợi nhuận cao hơn năm trước nhiều.

Ưu điểm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhưng không cao. Nhưng qua đây cũng cho thấy sự nỗ lực cố gắng rất lớn của đội ngũ cán bộ CNV trong toàn Công ty.

- ROS, ROA và ROE đều tăng lên, đây là một dấu hiệu tốt của Công ty.

Nhược điểm:

- Cơ cấu tài sản và nguồn vốn chưa hợp lý, hiệu quả sử dụng tài sản thấp.

- Độ tự chủ về tài chính của Công ty không cao.

- Khả năng thanh toán thấp, rủi ro thanh toán cao.

- ROS, ROA và ROE còn thấp.

Nguyên nhân:

- Công ty bị khách hàng chiếm dụng vốn nhiều.

- Các khoản chi phí lớn.

- Tài sản lưu động chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, đặc biệt vốn tập trung ở các khoản phải thu ngắn hạn(34,52%) và hàng tồn kho(22,99%).

- Nguồn vốn chủ sở hữu rất thấp, vốn của Công ty hầu hết là vốn vay.

PHẦN 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÓNG TÀU HẠ LONG.

1- Phương hướng hoạt động của Công ty trong năm 2009.

Qua phân tích tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên đóng tàu Hạ Long cho ta rút ra một số hạn chế về tình hình tài chính tại Công ty như sau:

- Tình hình tài chính của Công ty đóng tàu Hạ Long là chưa khả quan. Nguồn vốn của Công ty chủ yếu là nguồn vốn vay(98,04%). Điều này làm cho khả năng sinh lời của Công ty tăng nhưng Công ty lại không tự chủ về tài chính.

- Sự phân bổ nguồn vốn của Công ty chưa hợp lý vì tài sản lưu động chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản(61,73%) trong đó chủ yếu là các khoản phải thu và hàng tồn kho còn tài sản cố định của Công ty chiếm tỷ trọng thấp trong tổng tài sản.

Để có thể thực hiện tốt các chiến lược kinh doanh đến năm 2020 mà Công ty đã đề ra trên cơ sở nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, cải thiện tình hình tài chính thì việc tìm tòi, áp dụng các biện pháp cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh là rất cần thiết. Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh đặc biệt là cải thiện tình hình tài chính nhưng thực tế do nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan dẫn đến tình hình tài chính của Công ty chưa có được những chuyển biến tích cực để giúp cho Công ty thoát khỏi khó khăn.

Qua phân tích tình hình tài chính của Công ty đóng tàu Hạ Long em thấy có một số vấn đề lớn cần phải cải thiện, trong luận văn này em xin đề xuất một số biện pháp để cải thiện tình hình tài chính của Công ty.

2- Một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính của Công ty.

2.1- Biện pháp 1: Giảm hàng tồn kho

2.1.1- Mục đích của biện pháp

- Giảm tỷ trọng hàng tồn kho trong tổng tài sản, từ đó tăng vòng quay hàng tồn kho.

- Tăng hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn vốn, tiết kiệm chi phí.

**Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại
Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.**

2.1.2- Cơ sở thực hiện biện pháp

- Theo báo cáo tài chính cũng như bảng phân tích cơ cấu tài sản của Công ty ta nhận thấy hàng tồn kho cũng chiếm một tỷ trọng tương đối lớn trong tổng tài sản và có xu hướng tăng lên (năm 2007 tỷ trọng hàng tồn kho là 19,61%, năm 2008 là 22,99%). Vốn lưu động chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn của Công ty, chi phí sử dụng vốn lớn làm giảm lợi nhuận. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải giảm tỷ trọng của hàng tồn kho xuống, giảm nhu cầu sử dụng vốn lưu động, tiết kiệm vốn lưu động, giảm được chi phí sử dụng vốn, nhờ đó Công ty có thể tăng được lợi nhuận.

Bảng 3.1: Bảng tỷ trọng thành phần hàng tồn kho

Dvt: đồng

Khoản mục	Năm 2007	Tỷ trọng (%)	Năm 2008	Tỷ trọng (%)
Hàng mua đang đi đường	92.352.032	0,01	7.076.042.583	0,79
Nguyên vật liệu	593.620.307.849	71,56	514.031.867.098	57,40
Công cụ dụng cụ	18.066.735.419	2,18	25.786.954.774	2,88
Chi phí SXKD dở dang	217.805.631.984	26,25	348.593.501.160	38,93
Tổng cộng	829.585.027.284	100	895.488.365.615	100

→ Theo bảng thống kê hàng tồn kho ta thấy nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong danh mục hàng tồn kho. Trong khi đó, nền kinh tế toàn cầu đang trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhiều khách hàng đã hủy hợp đồng và các đơn đặt hàng cũng giảm đi nhiều so với các năm trước. Với xu hướng đó, việc dự trữ nhiều nguyên vật liệu là không hợp lý gây ra tình trạng ứ đọng vốn, tồn kém chi phí. Vì vậy, Công ty cần giảm bớt lượng nguyên vật liệu tồn kho vừa đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành liên tục, vừa tiết kiệm và mang lại hiệu quả cao, nâng cao lợi nhuận.

- Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, hiện tại 30% nguyên vật liệu thừa so với nhu cầu.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

2.1.3- Nội dung của biện pháp

Chúng ta có thể giảm lượng hàng tồn kho của Công ty bằng những cách sau:

- Xác định đúng nhu cầu NVL cho các dự án, kế hoạch sửa chữa, đóng mới tàu bằng cách lên kế hoạch nguyên vật liệu cụ thể cho từng dự án.
- Lựa chọn nhà cung cấp uy tín, chất lượng.
- Nghiên cứu tìm hiểu thị trường, quảng cáo trên báo, đài, website...
- Tiến hành giảm giá hàng bán, Công ty dự kiến giảm giá hàng bán 5%

2.1.4- Thực hiện biện pháp

Căn cứ theo thống kê từ các doanh nghiệp sản xuất đã áp dụng hình thức giảm hàng tồn kho để cải thiện tình hình tài chính ta thu được kết quả sau:

Bảng 3.2: Bảng dự tính chi phí

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	150.000.000
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	20.000.000

→ Dự kiến sau khi thực hiện biện pháp thì tiêu thụ được 80% số nguyên vật liệu tồn kho thừa so với nhu cầu.

Bảng 3.3: Bảng dự kiến lợi ích của biện pháp

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
Giá trị nguyên vật liệu thừa so với nhu cầu	154.209.560.129
Giá trị nguyên vật liệu thừa sau khi thực hiện biện pháp	30.841.912.026
Lợi ích của biện pháp:	
- Nguyên vật liệu thừa so với nhu cầu giảm 80%	123.367.648.104
- Thu nhập khác tăng	123.367.648.104
Giảm giá hàng bán 5% (=5% thu nhập tăng)	6.168.382.405
Doanh thu tăng thêm	117.199.265.698

Dự kiến giảm hàng tồn kho (nguyên vật liệu) sẽ khuyến khích doanh thu tăng thêm 5% là do Công ty đã sử dụng biện pháp giảm giá hàng bán 5%, từ đó sẽ thu hút thêm nhiều khách hàng mua các loại nguyên vật liệu đó → Doanh thu tăng 117.199.265.698 đồng.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đông tàu Hạ Long.

2.1.5- Kết quả thực hiện

Bảng 3.4: Kết quả thực hiện

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Trước thực hiện	Sau thực hiện	Chênh lệch
Hàng tồn kho	895.488.365.615	772.120.717.511	- 123.367.648.104
Doanh thu	2.145.020.920.171	2.262.110.805.653	117.199.265.698
Khoản giảm trừ doanh thu	109.380.216	6.277.762.621	6.168.382.405
Doanh thu thuần	2.144.911.539.955	2.255.833.043.032	111.921.503.077
Lợi nhuận gộp	283.875.275.089	394.796.778.166	111.921.503.077
Chi phí bán hàng	-	170.000.000	170.000.000
Lợi nhuận trước thuế	20.941.658.592	131.802.541.885	110.860.883.293
Thuế TNDN	5.072.488.414	36.904.711.728	31.832.223.314
Lợi nhuận sau thuế	15.869.170.178	94.897.830.157	79.028.659.979
Tổng tài sản	3.895.491.630.120	3.772.123.982.016	- 123.367.648.104
Vòng quay HTK (vòng)	2,16	2,32	0,16
Số ngày một vòng quay HTK	167	155	- 12
ROS(%)	0,739	4,207	3,468
ROA(%)	0,407	2,516	2,109
ROE(%)	20,738	124,017	103,279

Nhận xét:

- Hàng tồn kho của Công ty giảm xuống 123.367.648.104 đồng làm cho vòng quay hàng tồn kho tăng thêm 0,16 vòng, số ngày luân chuyển hàng tồn kho giảm từ 167 ngày xuống còn 155 ngày.

- Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả cũng tăng lên:

Lợi nhuận biên tăng thêm 3,468%

Tỷ suất thu hồi tài sản tăng thêm 2,109%

Tỷ suất thu hồi vốn chủ sở hữu tăng thêm 103,279%.

2.2- Biện pháp 2: Giảm các khoản phải thu

2.2.1- Mục đích của biện pháp

- Giảm tỷ trọng các khoản phải thu khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

- Tăng khả năng thanh toán.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đông tàu Hạ Long.

2.2.2- Cơ sở của biện pháp

Sự phân bổ nguồn vốn của Công ty chưa hợp lý vì tài sản lưu động chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản(61,73%) trong đó chủ yếu là các khoản phải thu và hàng tồn kho còn giá trị tài sản cố định của Công ty chiếm tỷ trọng thấp trong tổng tài sản làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. Vì vậy, phải tìm cách giảm các khoản phải thu khách hàng xuống để tiết kiệm chi phí sử dụng vốn, từ đó gia tăng được lợi nhuận.

Căn cứ vào bảng cân đối kế toán năm 2007 – 2008 ta có bảng tổng hợp khoản phải thu của Công ty trong 2 năm như sau:

Bảng 3.5: Bảng tổng hợp các khoản phải thu

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch	
			±	%
Phải thu khách hàng	1.988.376.674.507	1.101.293.112.366	- 887.083.562.141	-44,61
Trả trước cho người bán	137.587.611.654	235.693.438.249	98.105.826.595	71,30
Phải thu khác	6.155.035.942	7.701.668.208	1.546.632.266	25,13
Tổng	2.132.119.322.103	1.344.688.218.823	-787.431.103.280	-36,93

- Hệ số công nợ của công ty:

$$\text{Hệ số nợ phải trả} = \frac{\text{Phần vốn đi chiếm dụng}}{\text{Phần vốn bị chiếm dụng}}$$
$$\text{Nợ phải thu}$$
$$\text{Năm 2007} = \frac{1.173.915.693.527}{2.132.119.322.103} = 0,55 \text{ lần}$$
$$\text{Năm 2008} = \frac{623.248.811.562}{1.344.688.218.823} = 0,46 \text{ lần}$$

Qua phân tích hệ số công nợ ta thấy các khoản phải thu của Công ty lớn hơn các khoản phải trả. Do đó Công ty đang bị chiếm dụng một lượng vốn lớn.

→ Yêu cầu đặt ra là Công ty phải thu hồi vốn một cách nhanh chóng bằng cách áp dụng tỷ lệ chiết khấu hợp lý đối với những khách hàng thanh toán sớm.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long.

2.2.3- Nội dung của biện pháp

- Lập một tổ phục vụ cho công tác thu hồi nợ, đàm phán với khách hàng để họ đồng ý thanh toán với mức chiết khấu mà Công ty đã đưa ra, có thưởng cho những nhân viên thu được nợ nhanh và số lượng lớn.

- Áp dụng các mức chiết khấu thích hợp cho khách hàng theo thời gian thanh toán.

- Mục tiêu thu được 418.491.382.699 đồng (38%) trong tổng số khoản phải thu của khách hàng (1.101.293.112.366 đồng).

2.4- Thực hiện biện pháp

Bảng 3.6: Bảng xác định nhóm khách hàng theo thời hạn thanh toán

Loại	Thời gian trả chậm (Tháng)	Tỷ trọng (%)
1	0	10
2	1-6	30
3	6-9	30
4	> 9	30

Kỳ thu tiền bình quân của Công ty là 298 ngày nên ta áp dụng hình thức chiết khấu cho những khách hàng thanh toán trong thời gian 9 tháng.

Bảng 3.7: Bảng chi phí chiết khấu

Đvt: Nghìn đồng

Thời gian trả chậm (Tháng)	Giá trị khoản phải thu	Tỷ lệ chiết khấu (%)	Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tiền thu hồi	Chi phí chiết khấu
0	110.129.311.237	3	80	88.103.448.989	2.643.103.470
1-6	330.387.933.710	2	60	198.232.760.226	3.964.655.205
6-9	330.387.933.710	1	40	132.155.173.484	1.321.551.735
Tổng	770.905.178.657			418.491.382.699	7.929.310.409

Bảng 3.8: Bảng dự tính chi phí cho cán bộ thu nợ

Đvt: Nghìn đồng

Thời gian trả chậm (Tháng)	Số tiền thu hồi	Mức thưởng		Chi phí thu nợ	
		%	Số tiền	%	Số tiền
0	88.103.448.989	1,5	1.321.551.735	0,5	440.517.245
1-6	198.232.760.226	1,0	1.982.327.602	1,0	1.982.327.602
6-9	132.155.173.484	0,5	660.775.867	1,5	1.982.327.602
Tổng	418.491.382.699		3.946.655.205		4.405.172.449

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Đông tàu Hạ Long.

→ Tổng chi phí = 7.929.310.409 + 3.946.655.205 + 4.405.172.449 = 16.281.138.063 đồng
Số tiền thực thu = 418.491.382.699 - 16.281.138.063 = 402.210.244.636 đồng.

Bảng 3.10: Kết quả thực hiện

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Trước thực hiện	Sau thực hiện	Chênh lệch
Các khoản phải thu	1.344.688.218.823	942.477.974.187	402.210.244.636
Tiền	145.128.047.665	547.338.292.301	402.210.244.636
Khả năng thanh toán tức thời	0,06	0,22	0,16
Vòng quay khoản phải thu	1,209	2,012	0.803
Kỳ thu tiền bình quân	298	179	- 119

Nhận xét:

- Sau khi áp dụng hình thức chiết khấu, khoản phải thu năm 2008 giảm xuống còn 942.477.974.187 đồng

→ Tiền mặt tăng 402.210.244.636 đồng. → Chỉ số phản ánh khả năng thanh toán và chỉ số hoạt động tăng lên. (Như bảng trên)

- Kỳ thu tiền bình quân giảm 119 ngày làm giảm chi phí sử dụng vốn.

3- Tình hình tài chính của Công ty sau khi thực hiện các giải pháp:

Kết hợp hai giải pháp trên ta thấy tình hình tài chính của Công ty được cải thiện rõ rệt.

- Hàng tồn kho giảm xuống 123.367.648.104 đồng làm giảm nhu cầu sử dụng vốn lưu động, tiết kiệm được chi phí sử dụng vốn. Từ đó lợi nhuận tăng thêm 79.028.659.979 đồng.

- Khoản phải thu giảm đi 402.210.244.636 đồng làm cho tiền mặt tăng 402.210.244.636 đồng. Từ đó làm cho các chỉ số vòng quay cũng tăng lên.

- Khả năng thanh toán tức thời tăng 0,15%.

- Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả đều tăng lên.

→ Các biện pháp đã đề ra là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với tình hình tài chính của Công ty hiện nay và có thể thực hiện được.

KẾT LUẬN

Hoạt động tài chính là một bộ phận quan trọng của hoạt động sản xuất kinh doanh, có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh và gắn liền với tất cả các khâu của quá trình kinh doanh. Thông qua hoạt động tài chính người ta có thể giải quyết các mối quan hệ phát sinh cũng như đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ và đưa ra các quyết định quan trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích tài chính doanh nghiệp, qua thời gian thực tập tốt nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Hạ Long kết hợp với những kiến thức đã được học trên ghế nhà trường, em đã mạnh dạn nghiên cứu và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: *“Phân tích tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp”* của Công ty.

Trong khóa luận của mình em đã mạnh dạn đưa ra hai giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của Công ty với hy vọng sẽ góp một phần nhỏ bé vào công tác quản lý tài chính của Công ty trong thời gian tới.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của Th.s Cao Thị Thu, Ban lãnh đạo Công ty cùng các cô chú, anh chị phòng Kinh doanh - Đối ngoại đã giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

Tuy nhiên, với trình độ hiểu biết và thời gian nghiên cứu thực tế có hạn nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo cùng toàn thể các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!